

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách sinh viên thuộc đối tượng được hưởng  
Trợ cấp xã hội năm học 2025-2026 theo Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT  
ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

*Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;*

*Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;*

*Căn cứ kết quả rà soát sinh viên thuộc đối tượng được nhận trợ cấp xã hội tạm dừng học, nghỉ học theo thông báo số 314/TB-ĐHTN ngày 01/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên;*

*Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 07/10/2025 của Hội đồng xét hồ sơ Trợ cấp xã hội cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 1022 (Một nghìn không trăm hai mươi hai) sinh viên thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội năm học 2025 – 2026 (có danh sách kèm theo) theo Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

Mức trợ cấp:

- Đối với sinh viên Dân tộc ít người ở vùng cao: 140.000 đồng /1SV/1tháng;
- Đối với sinh viên diện mồ côi cả cha lẫn mẹ, sinh viên thuộc hộ nghèo, sinh viên tàn tật khó khăn về kinh tế: 100.000đ/1SV/1tháng.

**Điều 2.** Thời gian hưởng:

- 12 tháng (từ tháng 8/2025 đến hết tháng 7/2026): 809 sinh viên;
- 11 tháng (từ tháng 9/2025 đến hết tháng 7/2026): 221 sinh viên;
- 5 tháng (từ tháng 8/2025 đến hết tháng 12/2025): 02 sinh viên.

**Điều 3.** Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các Khoa, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT CNTT & TV (để đăng lên website Trường);
- Lưu: VT, KHTC (L.7b); CTSV (NA.2b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Nguyễn Văn Nam**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI NĂM HỌC 2025 - 2026  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/VBHN-BGDDĐT NGÀY 30/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

| STT | Lớp                         | MSSV     | Họ và tên            | Khoa    | Đối tượng                      | Dân tộc  | Số tháng hưởng | Số tài khoản ngân hàng | Tên Ngân hàng    |
|-----|-----------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|----------|----------------|------------------------|------------------|
| 1   | Kế toán K2024               | 24403163 | Trần Thị Hoài Sơn    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Sán chay | 12             | 5200220428331          | Agribank Đắk Lắk |
| 2   | Kế toán K2024               | 24403051 | H Mai Hmok           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12             | 5200220416260          | Agribank Đắk Lắk |
| 3   | Kế toán K2024               | 24403017 | KSor H' Buer         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12             | 5200220415743          | Agribank Đắk Lắk |
| 4   | Kế toán K2025               | 25403105 | Nguyễn Tấn Sang      | Kinh tế | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh     | 11             | 834395898              | MB Bank Đắk Lắk  |
| 5   | Kế toán K2025               | 25403150 | H-Yok Ayũn           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 11             | 102884457112           | VietinBank       |
| 6   | Kế toán K2025               | 25403094 | Ksor Pduynh          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11             | 5200220463609          | Agribank Đắk Lắk |
| 7   | Kế toán K22                 | 22403053 | H Kiều Liêng         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12             | 5200220367207          | Agribank Đắk Lắk |
| 8   | Kế toán K23                 | 23403067 | Phương Thị Thúy Nga  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12             | 5200220382529          | Agribank Đắk Lắk |
| 9   | Kế toán K23                 | 23403037 | Vì Thị Hồng          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái     | 12             | 5200220382217          | Agribank Đắk Lắk |
| 10  | Kế toán K23                 | 23403013 | H' Na Yong Byă       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12             | 5200220381867          | Agribank Đắk Lắk |
| 11  | Kế toán K23                 | 23403092 | Ninh Thanh Tâm       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hoa      | 12             | 5200220382801          | Agribank Đắk Lắk |
| 12  | Kế toán K23                 | 23403074 | Hà Thanh Nhân        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái     | 12             | 5200220382570          | Agribank Đắk Lắk |
| 13  | Kế toán K23                 | 23403137 | Hán Hoàng Thuý Vươn  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm     | 12             | 5200220383494          | Agribank Đắk Lắk |
| 14  | Kế toán K23                 | 23403085 | H Trim Niê           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12             | 9704051301898050       | Agribank Đắk Lắk |
| 15  | Kế toán K23                 | 23403147 | H Tâm Ndu            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12             | 9704051301859020       | Agribank Đắk Lắk |
| 16  | Kế toán kiểm toán K2024     | 24403145 | Nông Thị Bích Vân    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12             | 5200220418380          | Agribank Đắk Lắk |
| 17  | Kế toán kiểm toán K2024     | 24403134 | Dùng Thị Nhật Triệu  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12             | 5200220418084          | Agribank Đắk Lắk |
| 18  | Kế toán kiểm toán K2025     | 25403036 | Kpă H' Iêng          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11             | 1054594696             | Vietcombank      |
| 19  | Kế toán Kiểm toán K22       | 22403001 | H Bloen Adrong       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12             | 5200220355692          | Agribank Đắk Lắk |
| 20  | Kinh doanh thương mại K2024 | 24412064 | Lương Thị Thanh Thúy | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12             | 5200220426001          | Agribank Đắk Lắk |
| 21  | Kinh doanh thương mại K2024 | 24412020 | Nông Thị Mỹ Hạnh     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12             | 5200220425406          | Agribank Đắk Lắk |
| 22  | Kinh doanh thương mại K2025 | 25412036 | Nông Thị Kim Ngân    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 11             | 5200220439367          | Agribank Đắk Lắk |
| 23  | Kinh doanh thương mại K2025 | 25412030 | Lương Thị Khánh Linh | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 11             | 5200220439315          | Agribank Đắk Lắk |
| 24  | Kinh doanh thương mại K2025 | 25412016 | Hà Hương Giang       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 11             | 5200220439170          | Agribank Đắk Lắk |
| 25  | Kinh doanh thương mại K2025 | 25412058 | Rơ Mah H Thủy        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11             | 5200220439590          | Agribank Đắk Lắk |
| 26  | Kinh doanh thương mại K2025 | 25412032 | Sùng Mi Lòng         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 11             | 5200220439338          | Agribank Đắk Lắk |
| 27  | Kinh doanh thương mại K23   | 23412012 | Vũ Ngọc Hoàng Hà     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12             | 5200220385635          | Agribank Đắk Lắk |
| 28  | Kinh doanh thương mại K23   | 23412005 | H' Brông             | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12             | 5200220385585          | Agribank Đắk Lắk |
| 29  | Kinh tế K2024A              | 24410028 | Triệu Thị Thu Hậu    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12             | 5200220422466          | Agribank Đắk Lắk |
| 30  | Kinh tế K2024A              | 24410042 | Hoàng Thị Hương      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12             | 5200220422618          | Agribank Đắk Lắk |

|    |                            |          |                       |         |                                |       |    |               |                  |
|----|----------------------------|----------|-----------------------|---------|--------------------------------|-------|----|---------------|------------------|
| 31 | Kinh tế K2024A             | 24410012 | Trần Thiên Bảo        | Kinh tế | SV mồ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh  | 12 | 5200220422306 | Agribank Đắk Lắk |
| 32 | Kinh tế K2024A             | 24410059 | Hoàng Thị Mai         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220422805 | Agribank Đắk Lắk |
| 33 | Kinh tế K2024B             | 24410134 | H Hằng Triết          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 12 | 5200220424505 | Agribank Đắk Lắk |
| 34 | Kinh tế K2024B             | 24410128 | R' Com Nha Trang      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220424166 | Agribank Đắk Lắk |
| 35 | Kinh tế K2025A             | 25410049 | Hoàng Thị Thu Huyền   | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 11 | 0838921173    | MB Bank Đắk Lắk  |
| 36 | Kinh tế K2025A             | 25410010 | Lữ Thoa Bkrông        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 11 | 8894918552    | BIDV Đắk Lắk     |
| 37 | Kinh tế K2025B             | 25410127 | Hà Bảo Trinh          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 11 | 5200220457737 | Agribank Đắk Lắk |
| 38 | Kinh tế K22A               | 22410115 | Nguyễn Thị Dương Liễu | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 12 | 5200220367481 | Agribank Đắk Lắk |
| 39 | Kinh tế K22A               | 22410101 | Vì Thị Duyên          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220367417 | Agribank Đắk Lắk |
| 40 | Kinh tế K22A               | 22410031 | H Lina                | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 12 | 5200220365066 | Agribank Đắk Lắk |
| 41 | Kinh tế K22A               | 22410028 | H Hoa Ktla            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220358770 | Agribank Đắk Lắk |
| 42 | Kinh tế K23                | 23410056 | Phan Thị Phương Loan  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220385107 | Agribank Đắk Lắk |
| 43 | Kinh tế K23                | 23410031 | H Dục éban            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220384915 | Agribank Đắk Lắk |
| 44 | Kinh tế nông nghiệp K2024  | 24401040 | Dương Văn Thành       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông  | 12 | 5200220411482 | Agribank Đắk Lắk |
| 45 | Kinh tế nông nghiệp K2024  | 24401025 | H- Mây Mlô            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220411243 | Agribank Đắk Lắk |
| 46 | Kinh tế nông nghiệp K2024  | 24401020 | H Bin Kuan            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 12 | 5200220411170 | Agribank Đắk Lắk |
| 47 | Kinh tế nông nghiệp K2024  | 24401038 | K'Sim                 | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ    | 12 | 5200220411476 | Agribank Đắk Lắk |
| 48 | Kinh tế nông nghiệp K2024  | 24401005 | H Jel Buôn Dap        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 12 | 5200220410835 | Agribank Đắk Lắk |
| 49 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401071 | Vy Mạnh Tiến          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 11 | 5200220452762 | Agribank Đắk Lắk |
| 50 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401042 | Y' Chiép MLô          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 11 | 5200220452517 | Agribank Đắk Lắk |
| 51 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401010 | Nguyễn Kiều Mỹ Duyên  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 11 | 5200220448010 | Agribank Đắk Lắk |
| 52 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401036 | Điều Luật             | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 11 | 5200220452467 | Agribank Đắk Lắk |
| 53 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401067 | Thào Thị Thuý         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông  | 11 | 5200220452733 | Agribank Đắk Lắk |
| 54 | Kinh tế nông nghiệp K2025  | 25401069 | Nay Thúc              | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 11 | 5200220452756 | Agribank Đắk Lắk |
| 55 | Kinh tế nông nghiệp K23    | 23401013 | H'len Niê             | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220373767 | Agribank Đắk Lắk |
| 56 | Kinh tế nông nghiệp K23    | 23401009 | Nay Sút Nhay Kdoh     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220373709 | Agribank Đắk Lắk |
| 57 | Kinh tế phát triển K2025   | 25413011 | Y Giáo Bđap           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông | 11 | 5200220448532 | Agribank Đắk Lắk |
| 58 | Kinh tế phát triển K22     | 22413006 | Giảng Thị Gầu         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông  | 12 | 0384403260    | MB bank Đắk Lắk  |
| 59 | Kinh tế phát triển K22     | 22413030 | Hoàng Quốc Huy        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220364693 | Agribank Đắk Lắk |
| 60 | Quản trị kinh doanh K2024A | 24402023 | Vương Thị Chi         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220411923 | Agribank Đắk Lắk |
| 61 | Quản trị kinh doanh K2024A | 24402014 | Hà Quốc Bảo           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 12 | 5200220411788 | Agribank Đắk Lắk |
| 62 | Quản trị kinh doanh K2024A | 24402020 | Thào Mí Chá           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông | 12 | 5200220411900 | Agribank Đắk Lắk |
| 63 | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402111 | Đặng Mai Quyên        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao   | 12 | 5200220413891 | Agribank Đắk Lắk |
| 64 | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402094 | Trần Thị Thanh Nguyệt | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 12 | 5200220413459 | Agribank Đắk Lắk |
| 65 | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402107 | Triệu Thị Phương      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao   | 12 | 5200220413810 | Agribank Đắk Lắk |
| 66 | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402118 | Lê Thị Thanh          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường | 12 | 5200220413970 | Agribank Đắk Lắk |
| 67 | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402085 | Hoàng Thị Tuyết Ngân  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220413101 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                            |          |                     |         |                                |         |    |               |                     |
|-----|----------------------------|----------|---------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|---------------------|
| 68  | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402101 | H A Ni Niê          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220413646 | Agribank Đắk Lắk    |
| 69  | Quản trị kinh doanh K2024B | 24402122 | Nông Thị Thu Thảo   | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220414048 | Agribank Đắk Lắk    |
| 70  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402044 | Lô Thị Hoài         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 |               |                     |
| 71  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402051 | Lô Thanh Huyền      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 |               |                     |
| 72  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402065 | H Trâm Mlô          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 845710797     | MB Bank Đắk Lắk     |
| 73  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402172 | Lương Thị Thảo Vân  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 | 2323232331    | Techcombank Đắk Lắk |
| 74  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402053 | Đor Ni Ka Hưom      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho   | 11 |               |                     |
| 75  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402171 | Lang Văn Tú         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 | 1050736533    | Vietcombank Đắk Lắk |
| 76  | Quản Trị Kinh Doanh K2025A | 25402033 | Nông Thị Hồng Gấm   | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | nùng    | 11 |               |                     |
| 77  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402038 | Đinh Thị Thuý Hằng  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 |               |                     |
| 78  | Quản trị kinh doanh K2025A | 25402076 | Lăng Thị Thu Nguyệt | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220460153 | Agribank Đắk Lắk    |
| 79  | Quản trị kinh doanh K2025B | 25402122 | Hoàng Thị Ngọc Trâm | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220460719 | Agribank Đắk Lắk    |
| 80  | Quản trị kinh doanh K2025B | 25402098 | Lý Thị Như Quỳnh    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220460357 | Agribank Đắk Lắk    |
| 81  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402047 | Mông Thị Lê         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220354388 | Agribank Đắk Lắk    |
| 82  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402054 | Lương Thị Thùy Linh | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220354438 | Agribank Đắk Lắk    |
| 83  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402069 | Lê Thị Nga          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220354581 | Agribank Đắk Lắk    |
| 84  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402044 | Y Khang Hwng        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220354365 | Agribank Đắk Lắk    |
| 85  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402053 | Hoàng Thị Mai Linh  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220354421 | Agribank Đắk Lắk    |
| 86  | Quản trị kinh doanh K22A   | 22402019 | H' Rinh Êban        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220354184 | Agribank Đắk Lắk    |
| 87  | Quản trị kinh doanh K23A   | 23402007 | Y Thiết Bkrông      | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông  | 12 | 5200220374123 | Agribank Đắk Lắk    |
| 88  | Quản trị kinh doanh K23A   | 23402065 | H Khuê Mlô          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220380450 | Agribank Đắk Lắk    |
| 89  | Quản trị Kinh doanh K23A   | 23402001 | H Duyn Adrong       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220374038 | Agribank Đắk Lắk    |
| 90  | Quản trị kinh doanh K23A   | 23402005 | Hoàng Thị Ngọc Ánh  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220374080 | Agribank Đắk Lắk    |
| 91  | Quản trị kinh doanh K23A   | 23402054 | Trần Thị Lan        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220380394 | Agribank Đắk Lắk    |
| 92  | Quản trị kinh doanh K23B   | 23402140 | Tou Prong My Yô     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220381555 | Agribank Đắk Lắk    |
| 93  | Quản trị kinh doanh K23B   | 23402123 | Đậu Văn Tuấn        | Kinh tế | SV mỗ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh    | 12 | 5200220381243 | Agribank Đắk Lắk    |
| 94  | Quản trị kinh doanh K23B   | 23402112 | K'Toàn              | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 12 | 5200220381040 | Agribank Đắk Lắk    |
| 95  | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406007 | H' Binh B.Krông     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5222205089671 | Agribank Đắk lăk    |
| 96  | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406062 | Thắm Thế Thượng     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220422075 | Agribank Đắk Lắk    |
| 97  | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406080 | Vũ Thị Vân          | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220426660 | Agribank Đắk Lắk    |
| 98  | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406025 | Trần Khắc Hoàng     | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220419297 | Agribank Đắk Lắk    |
| 99  | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406050 | Hứa Quỳnh Như       | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220419948 | Agribank Đắk Lắk    |
| 100 | Tài chính ngân hàng K2024  | 24406036 | Vì Thị Lý           | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220419586 | Agribank Đắk Lắk    |
| 101 | Tài chính ngân hàng K2025  | 25406006 | Long Ngọc Bảo Châu  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 8866243945    | BIDV                |
| 102 | Tài chính ngân hàng K2025  | 25406044 | Lương Thị Vân Nhi   | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Sán chi | 11 |               |                     |
| 103 | Tài chính ngân hàng K22    | 22406021 | H Khuê Buôn Krông   | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220355208 | Agribank Đắk Lắk    |
| 104 | Tài chính ngân hàng K22    | 22406022 | H' Sura Ktla        | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220355214 | Agribank Đắk Lắk    |

|     |                            |          |                        |         |                                |         |    |               |                  |
|-----|----------------------------|----------|------------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 105 | Tài chính ngân hàng K22    | 22406055 | Adrong H Tú            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220355499 | Agribank Đắk Lắk |
| 106 | Tài chính ngân hàng K22    | 22406057 | Đặng Thị Xuyên         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao     | 12 | 5200220355510 | Agribank Đắk Lắk |
| 107 | Tài chính ngân hàng K22    | 22406024 | Phùng Thị Linh Linh    | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 12 | 5200220355237 | Agribank Đắk Lắk |
| 108 | Tài chính ngân hàng K23    | 23406034 | Y Như                  | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ Ngao | 12 | 5200220384501 | Agribank Đắk Lắk |
| 109 | Tài chính ngân hàng K23    | 23406053 | Hà Thu Thuỷ            | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220384610 | Agribank Đắk Lắk |
| 110 | Tài chính ngân hàng K23    | 23406065 | H Huê B' Krông         | Kinh tế | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220387710 | Agribank Đắk Lắk |
| 111 | CN Sinh học y dược K2024   | 24314032 | Nông Thị Quỳnh         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220418163 | Agribank Đắk Lắk |
| 112 | CN Sinh học y dược K2024   | 24314018 | Kơ Să K' Mung          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 12 | 5200220417936 | Agribank Đắk Lắk |
| 113 | Công nghệ sinh học K2025   | 25313026 | Hà Thị Nhung           | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 | 5200220439895 | Agribank Đắk Lắk |
| 114 | Công nghệ Sinh học K23     | 23313004 | Lương Thúy Hòa         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220379865 | Agribank Đắk Lắk |
| 115 | Công nghệ Thông tin K2024  | 24103043 | Siu Đặng Lan Hương     | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220407984 | Agribank Đắk Lắk |
| 116 | Công nghệ Thông tin K2024  | 24103070 | Ksor Vòng Quý Phong    | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220426234 | Agribank Đắk Lắk |
| 117 | Công nghệ thông tin K2025  | 25103017 | Thào A Dũng            | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'mông  | 11 | 5200220440445 | Agribank Đắk Lắk |
| 118 | Công nghệ thông tin K2025  | 25103044 | Nông Thế Lập           | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220440655 | Agribank Đắk Lắk |
| 119 | Công nghệ thông tin K2025  | 25103052 | Đàm Phương Nam         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220440711 | Agribank Đắk Lắk |
| 120 | Công nghệ Thông tin K22    | 22103087 | K'Hoàng                | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 0967474948    | MB bank Đắk Lắk  |
| 121 | Công nghệ Thông tin K22    | 22103004 | Y Bão                  | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220362407 | Agribank Đắk Lắk |
| 122 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103006 | Mùa Thị Blông          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông   | 12 | 5200205956853 | Agribank Đắk Lắk |
| 123 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103061 | Ma A Phúc              | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông   | 12 | 5200220376815 | Agribank Đắk Lắk |
| 124 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103047 | Phạm Minh Lý           | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220376499 | Agribank Đắk Lắk |
| 125 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103019 | Hà Trung Hiếu          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220375733 | Agribank Đắk Lắk |
| 126 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103106 | H' Uyên Hlong          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220388423 | Agribank Đắk Lắk |
| 127 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103025 | Đàm Ngọc Huynh         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220375920 | Agribank Đắk Lắk |
| 128 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103041 | Hoàng Thị Lan          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220376345 | Agribank Đắk Lắk |
| 129 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103015 | Trương Nông Đoài       | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220375625 | Agribank Đắk Lắk |
| 130 | Công nghệ Thông tin K23    | 23103029 | Y Kuin Kbuôr           | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220376027 | Agribank Đắk Lắk |
| 131 | SP Khoa học tự nhiên K2025 | 25105028 | Triệu Hải Yến Nhi      | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 |               |                  |
| 132 | Sư phạm Hoá học K2025      | 25104045 | Hoàng Thị Mai Tuyết    | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220442457 | Agribank Đắk Lắk |
| 133 | Sư phạm Hoá học K22        | 22104015 | Nguyễn Thị Tường Vy    | KHTN&CN | SV mồ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh    | 12 | 5200220363451 | Agribank Đắk Lắk |
| 134 | Sư phạm sinh học K2025     | 25301016 | Vàng A Thương          | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'mông  | 11 | 5200220443160 | Agribank Đắk Lắk |
| 135 | Sư phạm sinh học K2025     | 25301004 | Hà Thị Hương Giang     | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 |               |                  |
| 136 | Sư phạm sinh học K2025     | 25301012 | Siu H Niên             | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220443000 | Agribank Đắk Lắk |
| 137 | Sư phạm sinh học K2025     | 25301015 | Bùi Thị Anh Thư        | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 | 5200220443154 | Agribank Đắk Lắk |
| 138 | Sư phạm Toán học K2024     | 24101016 | Nguyễn Thị Minh Phương | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220404009 | Agribank Đắk Lắk |
| 139 | Sư phạm Toán học K2024     | 24101013 | Đàm Văn Páo            | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220426292 | Agribank Đắk Lắk |
| 140 | Sư phạm Toán học K2025     | 25101009 | Hán Thị Thu Hà         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm    | 11 | 5200220443285 | Agribank Đắk Lắk |
| 141 | Sư phạm Toán học K2025     | 25101021 | Nguyễn Thị Mai         | KHTN&CN | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 | 5200220443387 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                          |          |                        |                   |                                |         |    |               |                  |
|-----|--------------------------|----------|------------------------|-------------------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 142 | Sư phạm Toán học K22     | 22101042 | Nay Hi Uôn             | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220360503 | Agribank Đắk Lắk |
| 143 | Sư phạm Toán học K23     | 23101037 | Long Thị Tuyền         | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | nùng    | 12 | 5200220374514 | Agribank Đắk Lắk |
| 144 | Sư phạm Toán học K23     | 23101015 | Lý Thị Ngân            | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220373511 | Agribank Đắk Lắk |
| 145 | Sư phạm Toán học K23     | 23101023 | Y. Diệu R'ngang        | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220373607 | Agribank Đắk Lắk |
| 146 | Sư phạm Vật Lý K23       | 23102001 | Bùi Vương Huy An       | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220374616 | Agribank Đắk Lắk |
| 147 | Sư phạm Vật Lý K23       | 23102005 | Phương Thị Hương Diệu  | KHTN&CN           | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220374701 | Agribank Đắk Lắk |
| 148 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604020 | Hoàng Thị Xuân         | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220425248 | Agribank Đắk Lắk |
| 149 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604011 | Triệu Thị Nhảy         | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao     | 12 | 5200220425117 | Agribank Đắk Lắk |
| 150 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604007 | H Lagi Mlô             | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220426690 | Agribank Đắk Lắk |
| 151 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604023 | H An Niê               | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220428564 | Agribank Đắk Lắk |
| 152 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604022 | Nông Thị Yến Nhi       | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220430044 | Agribank Đắk Lắk |
| 153 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604013 | Bùi Như Quỳnh          | Lý luận chính trị | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh    | 12 | 5200220425123 | Agribank Đắk Lắk |
| 154 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604014 | Lê Thị Hồng Thắm       | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220425146 | Agribank Đắk Lắk |
| 155 | Giáo dục chính trị K2024 | 24604001 | Hoàng Thị Vân Anh      | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220426683 | Agribank Đắk Lắk |
| 156 | Giáo dục chính trị K2025 | 25604007 | H Đa Ha Ktul           | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 11 | 5200220450108 | Agribank Đắk Lắk |
| 157 | Giáo dục chính trị K22   | 22604012 | Y - Đa Vit - Niê       | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220359562 | Agribank Đắk Lắk |
| 158 | Giáo dục chính trị K22   | 22604002 | H Kim Huệ Du           | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220359477 | Agribank Đắk Lắk |
| 159 | Giáo dục chính trị K22   | 22604006 | Anh Thư Kbuôr          | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220359510 | Agribank Đắk Lắk |
| 160 | Giáo dục chính trị K22   | 22604011 | Ma Thị Như             | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông   | 12 | 5200220359556 | Agribank Đắk Lắk |
| 161 | Giáo dục chính trị K22   | 22604013 | H Ra                   | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220359579 | Agribank Đắk Lắk |
| 162 | Giáo dục chính trị K23   | 23604005 | Ksor H Hồng            | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220383370 | Agribank Đắk Lắk |
| 163 | Giáo dục chính trị K23   | 23604016 | Nay H' Thuang          | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220383580 | Agribank Đắk Lắk |
| 164 | Giáo dục chính trị K23   | 23604007 | Bàn Mùi Lai            | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao     | 12 | 5200220383413 | Agribank Đắk Lắk |
| 165 | Giáo dục chính trị K23   | 23604012 | H Trà Ntor             | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220383521 | Agribank Đắk Lắk |
| 166 | Giáo dục chính trị K23   | 23604004 | H' Duly H'druê         | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220383357 | Agribank Đắk Lắk |
| 167 | Giáo dục chính trị K23   | 23604011 | Nguyễn Thị Yến Nhi Niê | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220383509 | Agribank Đắk Lắk |
| 168 | Giáo dục chính trị K23   | 23604020 | Thị H' Vân             | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220383646 | Agribank Đắk Lắk |
| 169 | Triết học K2024          | 24608043 | Siu H Zun              | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220425782 | Agribank Đắk Lắk |
| 170 | Triết học K2024          | 24608045 | H Mik Ki Ayũn          | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220428593 | Agribank Đắk Lắk |
| 171 | Triết học K2024          | 24608033 | Y Thư Hồ Niê           | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220425645 | Agribank Đắk Lắk |
| 172 | Triết học K2024          | 24608032 | H Lê My Niê            | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5210205215129 | Agribank Đắk Lắk |
| 173 | Triết học K2024          | 24608920 | Y Huy Liêng            | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220425487 | Agribank Đắk Lắk |
| 174 | Triết học K2024          | 24608006 | H Goa Du               | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220425385 | Agribank Đắk Lắk |
| 175 | Triết học K22            | 22608001 | Y Sa La Mong Bkrông    | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220357284 | Agribank Đắk Lắk |
| 176 | Triết học K22            | 22608002 | Y Ri Gon Long Ding     | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ngông | 12 | 5200220357305 | Agribank Đắk Lắk |
| 177 | Triết học K22            | 22608004 | H'Valy Êban            | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220357340 | Agribank Đắk Lắk |
| 178 | Triết học K23            | 23608017 | Y - Vung               | Lý luận chính trị | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ ngao | 12 | 5200220383725 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                           |          |                      |             |                                |           |    |               |                     |
|-----|---------------------------|----------|----------------------|-------------|--------------------------------|-----------|----|---------------|---------------------|
| 179 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302085 | Y Niel niê           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220428716 | Agribank Đắk Lắk    |
| 180 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302037 | Siu H Kler           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220410654 | Agribank Đắk Lắk    |
| 181 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302024 | Y Huê                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê Triêng | 12 | 5200220410450 | Agribank Đắk Lắk    |
| 182 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302010 | H Phút Byă           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220410365 | Agribank Đắk Lắk    |
| 183 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302029 | Hoàng Quốc Hưng      | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220410530 | Agribank Đắk Lắk    |
| 184 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302066 | Vi Văn Tuấn          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220410995 | Agribank Đắk Lắk    |
| 185 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302059 | Lương Anh Tiến       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường     | 12 | 5200220410812 | Agribank Đắk Lắk    |
| 186 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302062 | Y Tri                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220410908 | Agribank Đắk Lắk    |
| 187 | Bảo vệ Thực vật K2024     | 24302041 | Điền MBriêng         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220410677 | Agribank Đắk Lắk    |
| 188 | Bảo vệ Thực vật K2025     | 25302033 | K' Huynh             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 11 | 5200220447240 | Agribank Đắk Lắk    |
| 189 | Bảo vệ Thực vật K2025     | 25302015 | Lương Thị Duyên      | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái      | 11 | 5200220447126 | Agribank Đắk Lắk    |
| 190 | Bảo vệ Thực vật K21       | 21302002 | Y Sâm Ayun           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 5  | 5200220339594 | Agribank Đắk Lắk    |
| 191 | Bảo vệ Thực vật K22       | 22302030 | H Nền Niê            | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 0925286422    | MB bank Đắk Lắk     |
| 192 | Bảo vệ Thực vật K22       | 22302014 | Nguyễn Long Ân Kbuôr | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220350703 | Agribank Đắk Lắk    |
| 193 | Bảo vệ Thực vật K23       | 23302012 | K' Mích              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 12 | 6354060553    | BIDV Đắk Nông       |
| 194 | Công nghệ thực phẩm K2024 | 24411002 | Dương Ngọc Bảo       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220419490 | Agribank Đắk Lắk    |
| 195 | Công nghệ thực phẩm K2025 | 25411032 | Hoàng Văn Minh       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 11 | 5200220457238 | Agribank Đắk Lắk    |
| 196 | Công nghệ thực phẩm K2025 | 25411023 | Triệu Thị Kính       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | nùng      | 11 | 5200220457107 | Agribank Đắk Lắk    |
| 197 | Công nghệ thực phẩm K2025 | 25411044 | Y Lục Ê Nuôi         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 11 | 5200220457490 | Agribank Đắk Lắk    |
| 198 | Công nghệ thực phẩm K21   | 21411035 | Lưu Thanh Nam        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 5  | 5300205862588 | Agribank Đắk Lắk    |
| 199 | Công nghệ thực phẩm K22   | 22411001 | Đàm Thị Bích         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220355917 | Agribank Đắk Lắk    |
| 200 | Công nghệ thực phẩm K22   | 22411011 | Trần Thị Tới         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220364504 | Agribank Đắk Lắk    |
| 201 | Công nghệ thực phẩm K23   | 23411035 | Y Lê Bắc Knul        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220388003 | Agribank Đắk Lắk    |
| 202 | Công nghệ thực phẩm K23   | 23411010 | Nguyễn Lê Minh Hoàng | Nông nghiệp | SV mồ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh      | 12 | 5200220386457 | Agribank Đắk Lắk    |
| 203 | Chăn nuôi Thú y K2024     | 24304017 | Y SiMiths            | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220427532 | Agribank Đắk Lắk    |
| 204 | Chăn nuôi Thú Y K23       | 23304010 | Nay Vi               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220380893 | Agribank Đắk Lắk    |
| 205 | Chăn nuôi Thú Y K23       | 23305016 | Nay Cơ               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220381164 | Agribank Đắk Lắk    |
| 206 | Chăn nuôi Thú y K23       | 23304011 | Y A Gê Niê           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220387285 | Agribank Đắk Lắk    |
| 207 | Khoa học cây trồng K2024  | 24303037 | H Linh Nga Mlô       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220428797 | Agribank Đắk Lắk    |
| 208 | Khoa học cây trồng K2024  | 24303019 | Nông Bằng Sơn        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày       | 12 | 5200220412109 | Agribank Đắk Lắk    |
| 209 | Khoa học cây trồng K2025  | 25303014 | Thào Thị Hợp         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'mông    | 12 | 1033605865    | Vietcombank Đắk Lắk |
| 210 | Khoa học cây trồng K22    | 22303008 | Y Kiệt Niê           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220351140 | Agribank Đắk Lắk    |
| 211 | Khoa học cây trồng K23    | 23303003 | H - Chúc             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220384156 | Agribank Đắk Lắk    |
| 212 | Khoa học cây trồng K23    | 23303010 | Yỗk Sơ La K' Hữu     | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 12 | 5200220384191 | Agribank Đắk Lắk    |
| 213 | Lâm sinh K2024            | 24306034 | H Jăn Hmok           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220429760 | Agribank Đắk Lắk    |
| 214 | Lâm sinh K2024            | 24306006 | Rcom Y Doan Mlô      | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220417125 | Agribank Đắk Lắk    |
| 215 | Lâm sinh K2024            | 24306027 | Vàng Thị Rùa         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông     | 12 | 5200220428949 | Agribank Đắk Lắk    |

|     |                       |          |                      |             |                                |         |    |               |                  |
|-----|-----------------------|----------|----------------------|-------------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 216 | Lâm sinh K2024        | 24306021 | K'Mik                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 12 | 5200220428903 | Agribank Đắk Lắk |
| 217 | Lâm sinh K2024        | 24306003 | Y Thi Kmăn           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220426989 | Agribank Đắk Lắk |
| 218 | Lâm sinh K2025        | 25306009 | A Dương              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 984914128     | MB Bank Đắk Lắk  |
| 219 | Lâm sinh K2025        | 25306043 | Sùng A Nụ            | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 11 | 0365334435    | MB bank Đắk Lắk  |
| 220 | Lâm sinh K2025        | 25306011 | Lầu Tiến Hành        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H' mông | 11 | 5200220452132 | Agribank Đắk Lắk |
| 221 | Lâm sinh K2025        | 25306031 | Y Biểu BĐap          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 |               |                  |
| 222 | Lâm sinh K2025        | 25306023 | Hoàng Hoa Thám       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220452270 | Agribank Đắk Lắk |
| 223 | Lâm sinh K2025        | 25306038 | Rahlan Ka Ka         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 6260858574    | BIDV             |
| 224 | Lâm sinh K22          | 22306004 | A Hào                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng | 12 | 5200220366131 | Agribank Đắk Lắk |
| 225 | Lâm sinh K22          | 22306005 | Vàng Văn Tiến        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 12 | 5200220366154 | Agribank Đắk Lắk |
| 226 | Lâm sinh K22          | 22306010 | Sùng A Vàng          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 12 | 5200220388945 | Agribank Đắk Lắk |
| 227 | Lâm sinh K22          | 22306003 | H Thiên Kđoh         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220352636 | Agribank Đắk Lắk |
| 228 | Lâm Sinh K23          | 23306005 | A Hùng               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng | 12 | 5200220384264 | Agribank Đắk Lắk |
| 229 | Lâm sinh K23          | 23306002 | Knul Y Sim Byă       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5213205918948 | Agribank Đắk Lắk |
| 230 | Quản lý đất đai K2024 | 24404053 | Bùi Quang Vinh       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 12 | 5,20022E+12   | Agribank Đắk Lắk |
| 231 | Quản lý đất đai K2024 | 24404066 | Lăng Thị Thùy Nga    | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 1729042006147 | MB bank Đắk Lắk  |
| 232 | Quản lý đất đai K2025 | 25404008 | H' Ngọc Byă          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 | 5200220453033 | Agribank Đắk Lắk |
| 233 | Quản lý đất đai K2025 | 25404009 | Y' Ngoan Byă         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220453056 | Agribank Đắk Lắk |
| 234 | Quản lý đất đai K2025 | 25404052 | H Strep Niê          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220453266 | Agribank Đắk Lắk |
| 235 | Quản lý đất đai K2025 | 25404037 | Nay Liêm             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220453193 | Agribank Đắk Lắk |
| 236 | Quản lý đất đai K2025 | 25404048 | R Com Nguyên         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220453243 | Agribank Đắk Lắk |
| 237 | Quản lý đất đai K22   | 22404027 | Y Jiê Hun Bkrông     | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220367265 | Agribank Đắk Lắk |
| 238 | Quản lý đất đai K22   | 22404018 | H Nguin Niê          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220363690 | Agribank Đắk Lắk |
| 239 | Quản lý đất đai K23   | 23404022 | Y Aly Việt Niê       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220386361 | Agribank Đắk Lắk |
| 240 | Quản lý đất đai K23   | 23404031 | K'Vis                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220386390 | Agribank Đắk Lắk |
| 241 | Quản lý đất đai K23   | 23404040 | Y Tinh Mlô           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220387660 | Agribank Đắk Lắk |
| 242 | Quản lý đất đai K23   | 23404016 | Y Sa Nin Mlô         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220387046 | Agribank Đắk Lắk |
| 243 | Quản lý đất đai K23   | 23404010 | Niê Nguyễn Huy Hoàng | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220386247 | Agribank Đắk Lắk |
| 244 | Quản lý đất đai K23   | 23404025 | Y Tân Sruê           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5211205230147 | Agribank Đắk Lắk |
| 245 | Thú y K2024A          | 24305088 | Hà Thị Lê Na         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220414451 | Agribank Đắk Lắk |
| 246 | Thú y K2024A          | 24305040 | Nguyễn Lê Ngọc Hà    | Nông nghiệp | SV mồ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh    | 12 | 5200220413392 | Agribank Đắk Lắk |
| 247 | Thú y K2024A          | 24305090 | Rmah H' Na Ny        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220414480 | Agribank Đắk Lắk |
| 248 | Thú Y K2024A          | 24305033 | Kpă Siu Đình         | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220413255 | Agribank Đắk Lắk |
| 249 | Thú y K2024B          | 24305102 | Bé Thị Yên Nhi       | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220414740 | Agribank Đắk Lắk |
| 250 | Thú y K2024B          | 24305110 | Y Đình Cường Niê     | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220415040 | Agribank Đắk Lắk |
| 251 | Thú Y K2024B          | 24305164 | H Trin Niê           | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220416730 | Agribank Đắk Lắk |
| 252 | Thú y K2025A          | 25305036 | Vi Hoàng Hiệp        | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220448707 | Agribank Đắk Lắk |



|     |                     |          |                           |             |                                |        |    |                  |                       |
|-----|---------------------|----------|---------------------------|-------------|--------------------------------|--------|----|------------------|-----------------------|
| 253 | Thú y K2025A        | 25305063 | Nay Luyk                  | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 11 | 5200220449200    | Agribank Đắk Lắk      |
| 254 | Thú y K2025A        | 25305019 | Ma Seo Dính               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông   | 11 | 5200220448401    | Agribank Đắk Lắk      |
| 255 | Thú y K2025B        | 25305185 | RahLan Thiêng             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 11 | 6263863762       | BIDV                  |
| 256 | Thú y K21A          | 21305016 | Vì Thị Dung               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220333756    | Agribank Đắk Lắk      |
| 257 | Thú y K21B          | 21305280 | Đoàn Bảo Ngọc Hoài Thương | Nông nghiệp | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh   | 12 | 5200220331189    | Agribank Đắk Lắk      |
| 258 | Thú y K22A          | 22305009 | Siu H' Danh               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220349228    | Agribank Đắk Lắk      |
| 259 | Thú y K22A          | 22305173 | Bế Văn Trường             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 12 | 9352645001       | Vietcombank Khánh Hòa |
| 260 | Thú y K22A          | 22305039 | H'Wi Gra Ktla             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220349690    | Agribank Đắk Lắk      |
| 261 | Thú y K22A          | 22305031 | Lý Thị Huyền              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao    | 12 | 5200220349631    | Agribank Đắk Lắk      |
| 262 | Thú y K22A          | 22305140 | Lê Hoàng Bảo Anh          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thổ    | 12 | 0989948724       | MB bank Đắk Lắk       |
| 263 | Thú y K22A          | 22305152 | H' Dung Mdrang            | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông | 12 | 5200220366000    | Agribank Đắk Lắk      |
| 264 | Thú y K22B          | 22305073 | Phạm Hồng Phúc            | Nông nghiệp | SV mồ côi cả cha lẫn mẹ        | Kinh   | 12 | 5200220350190    | Agribank Đắk Lắk      |
| 265 | Thú Y K22B          | 22305082 | Hoàng Văn Sang            | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220350414    | Agribank Đắk Lắk      |
| 266 | Thú y K22B          | 22305134 | Điều Weyt                 | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông | 12 | 5200220351729    | Agribank Đắk Lắk      |
| 267 | Thú y K22B          | 22305094 | Nguyễn Thị Hoài Thu       | Nông nghiệp | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh   | 12 | 5200220350778    | Agribank Đắk Lắk      |
| 268 | Thú y K23A          | 23305150 | Y Shiong Byă              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220387306    | Agribank Đắk Lắk      |
| 269 | Thú y K23A          | 23305043 | Đặng Thị Huế              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao    | 12 | 5306205160562    | Agribank Đắk Nông     |
| 270 | Thú Y K23A          | 23305037 | Hoàng Trung Hiếu          | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220381401    | Agribank Đắk Lắk      |
| 271 | Thú y K23B          | 23305110 | Lý Trung Thực             | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220382739    | Agribank Đắk Lắk      |
| 272 | Thú y K23B          | 23305096 | Nông Ích Sơn              | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 12 | 5200220382298    | Agribank Đắk Lắk      |
| 273 | Thú y K23B          | 23305134 | Nay H' Uêng               | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220383124    | Agribank Đắk Lắk      |
| 274 | Thú y K23B          | 23305086 | Y Soa Niê                 | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220382138    | Agribank Đắk Lắk      |
| 275 | Thú y K23B          | 23305170 | Y KLin Niê                | Nông nghiệp | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220388498    | Agribank Đắk Lắk      |
| 276 | Ngôn ngữ Anh K2024A | 24702038 | H Sulble êban             | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220402163    | Agribank Đắk Lắk      |
| 277 | Ngôn Ngữ Anh K2024A | 24702049 | Ngọc Thị Thu Hằng         | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220402242    | Agribank Đắk Lắk      |
| 278 | Ngôn Ngữ Anh K2024A | 24702096 | Trần Thị Mến              | Ngoại ngữ   | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh   | 12 | 5200220402633    | Agribank Đắk Lắk      |
| 279 | Ngôn Ngữ Anh K2024A | 24702075 | H' Li Zen Ktul            | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220402452    | Agribank Đắk Lắk      |
| 280 | Ngôn Ngữ Anh K2024A | 24702055 | Lâm Cẩm Diệu Hiền         | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 12 | 5200220402309    | Agribank Đắk Lắk      |
| 281 | Ngôn Ngữ Anh K2024A | 24702099 | H Xuân MLô                | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220402640    | Agribank Đắk Lắk      |
| 282 | Ngôn ngữ Anh K2024B | 24702134 | H Uêm Niê                 | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220402922    | Agribank Đắk Lắk      |
| 283 | Ngôn ngữ Anh K2024B | 24702133 | H Chi Niê                 | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 9704051301845670 | Agribank Đắk Lắk      |
| 284 | Ngôn ngữ Anh K2024B | 24702178 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân      | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông | 12 | 5200220403301    | Agribank Đắk Lắk      |
| 285 | Ngôn ngữ Anh K2024B | 24702204 | Nông Thị Hải Yến          | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220426858    | Agribank Đắk Lắk      |
| 286 | Ngôn ngữ Anh K2025A | 25702072 | H Wui Kđoh                | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 11 | 5200220460080    | Agribank Đắk Lắk      |
| 287 | Ngôn ngữ Anh K2025A | 25702060 | Đàm Thị Hiệu              | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 11 | 5200220459857    | Agribank Đắk Lắk      |
| 288 | Ngôn ngữ Anh K2025A | 25702001 | Bùi Nguyễn Ý An           | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường  | 11 | 5200220458730    | Agribank Đắk Lắk      |
| 289 | Ngôn ngữ Anh K2025A | 25702024 | H Trì Bkrông              | Ngoại ngữ   | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông | 11 | 5200220459023    | Agribank Đắk Lắk      |

|     |                         |          |                      |           |                                |           |    |               |                     |
|-----|-------------------------|----------|----------------------|-----------|--------------------------------|-----------|----|---------------|---------------------|
| 290 | Ngôn ngữ Anh K2025A     | 25702033 | Nay -H' Chõe         | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 11 | 5200220459387 | Agribank Đắk Lắk    |
| 291 | Ngôn ngữ Anh K2025A     | 25702048 | Nông Đình Hải        | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 11 | 5200220459676 | Agribank Đắk Lắk    |
| 292 | Ngôn ngữ Anh K2025A     | 25702087 | Nay H' My            | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 11 | 5200220460600 | Agribank Đắk Lắk    |
| 293 | Ngôn ngữ Anh K2025B     | 25702145 | Lăng Thị Thảo        | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 11 | 5200220461451 | Agribank Đắk Lắk    |
| 294 | Ngôn ngữ Anh K2025B     | 25702154 | Nguyễn Thị Hoài Thu  | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 11 | 5200220461547 | Agribank Đắk Lắk    |
| 295 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702045 | H - Thoa Buôn Krông  | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220361348 | Agribank Đắk Lắk    |
| 296 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702190 | Hoàng Thị Ngọc Ánh   | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 12 | 76609537357   | TP bank Đà Lạt      |
| 297 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702013 | H Gưi BKrông         | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220359845 | Agribank Đắk Lắk    |
| 298 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702043 | Y Toan Kễn           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220361281 | Agribank Đắk Lắk    |
| 299 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702040 | Trần Ngọc Diệu Huyền | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 12 | 5200220360062 | Agribank Đắk Lắk    |
| 300 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702056 | Siu H'Mery           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220361491 | Agribank Đắk Lắk    |
| 301 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702007 | H Thương Ayũn        | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220359800 | Agribank Đắk Lắk    |
| 302 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702166 | R' Châm H' Ni        | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220366450 | Agribank Đắk Lắk    |
| 303 | Ngôn ngữ Anh K22A       | 22702012 | H Phin Bdap          | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220359839 | Agribank Đắk Lắk    |
| 304 | Ngôn ngữ Anh K22B       | 22702100 | Nay Đa Tha           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220361853 | Agribank Đắk Lắk    |
| 305 | Ngôn ngữ Anh K22B       | 22702133 | A Trúc               | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng   | 12 | 5200220362147 | Agribank Đắk Lắk    |
| 306 | Ngôn ngữ Anh K22B       | 22702142 | Mông Thị Vân         | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220362210 | Agribank Đắk Lắk    |
| 307 | Ngôn ngữ Anh K22B       | 22702075 | Trần Thị Tuyết Nhung | Ngoại ngữ | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh      | 12 | 1036655781    | Vietcombank Đắk Lắk |
| 308 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702078 | Lưu Thị Kim Liên     | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220370730 | Agribank Đắk Lắk    |
| 309 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702041 | Y Hạ                 | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê Triêng | 12 | 5200220370378 | Agribank Đắk Lắk    |
| 310 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702072 | H' Sa Kpă            | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220370650 | Agribank Đắk Lắk    |
| 311 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702009 | H Rut Ayũn           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220370095 | Agribank Đắk Lắk    |
| 312 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702077 | Bế Ngọc Lân          | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 12 | 8305205088259 | Agribank Cao Bằng   |
| 313 | Ngôn ngữ Anh K23A       | 23702066 | H Xa Nhia Niê Kdăm   | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220370609 | Agribank Đắk Lắk    |
| 314 | Ngôn ngữ Anh K23B       | 23702122 | H, Vân Niê           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220371539 | Agribank Đắk Lắk    |
| 315 | Ngôn ngữ Anh K23B       | 23702121 | H Yuôm Niê           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220371495 | Agribank Đắk Lắk    |
| 316 | Ngôn ngữ Anh K23B       | 23702160 | Cao Thị Mỹ Uyên      | Ngoại ngữ | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh      | 12 | 5200220387017 | Agribank Đắk Lắk    |
| 317 | Ngôn ngữ Anh K23B       | 23702119 | H Lan Niê            | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220371437 | Agribank Đắk Lắk    |
| 318 | Sư phạm Anh K22         | 22701042 | Niê H Sen            | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220358191 | Agribank Đắk Lắk    |
| 319 | Sư phạm Anh K22         | 22701010 | Y Dung               | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê        | 12 | 5200220357600 | Agribank Đắk Lắk    |
| 320 | Sư phạm Anh K22         | 22701018 | H' Hiền              | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 12 | 5200220357760 | Agribank Đắk Lắk    |
| 321 | Sư phạm Anh K22         | 22701030 | Vừ Thị Li            | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông      | 12 | 5200220358077 | Agribank Đắk Lắk    |
| 322 | Sư phạm Anh K22         | 22701008 | H Nhoan Du           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông    | 12 | 5200220357544 | Agribank Đắk Lắk    |
| 323 | Sư phạm Anh K23         | 23701014 | Trương Thị Thu Hằng  | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây       | 12 | 5200220369616 | Agribank Đắk Lắk    |
| 324 | Sư phạm Anh K23         | 23701026 | Quách Đình Triệu My  | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường     | 12 | 5200220369760 | Agribank Đắk Lắk    |
| 325 | Sư phạm tiếng Anh K2024 | 24701024 | Phan Thị Thùy Phương | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220403744 | Agribank Đắk Lắk    |
| 326 | Sư phạm tiếng Anh K23   | 23701006 | H Thư Ayũn           | Ngoại ngữ | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220380099 | Agribank Đắk Lắk    |

|     |                              |          |                             |         |                                |          |    |               |                  |
|-----|------------------------------|----------|-----------------------------|---------|--------------------------------|----------|----|---------------|------------------|
| 327 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902019 | Nay H'Vi                    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220419869 | Agribank Đắk Lắk |
| 328 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902022 | Puih H' Lê                  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220419954 | Agribank Đắk Lắk |
| 329 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902049 | Bùi Thị Hồng Vân            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường    | 12 | 5200220420579 | Agribank Đắk Lắk |
| 330 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902003 | H Ny Ly Ayun                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220419376 | Agribank Đắk Lắk |
| 331 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902044 | Lang Thị Thuý               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái     | 12 | 5200220420460 | Agribank Đắk Lắk |
| 332 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902021 | Tou Neh Churu Yang Hiếu Lam | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Churu    | 12 | 5200220419925 | Agribank Đắk Lắk |
| 333 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2024 | 24902038 | Hoàng Văn Phong             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Sán chay | 12 | 5200220420369 | Agribank Đắk Lắk |
| 334 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902007 | H' Ngân Byă                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220419511 | Agribank Đắk Lắk |
| 335 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902032 | Hoàng Thị Nhi               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220420194 | Agribank Đắk Lắk |
| 336 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902005 | H Voan Bhök                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220419455 | Agribank Đắk Lắk |
| 337 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902023 | Ksor H LiKa                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220419990 | Agribank Đắk Lắk |
| 338 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902001 | Siu Thị Lê A                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220419318 | Agribank Đắk Lắk |
| 339 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902015 | H San H Mok                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220419744 | Agribank Đắk Lắk |
| 340 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902028 | Rơ Lan - Sơ Mĩ              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220420120 | Agribank Đắk Lắk |
| 341 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902025 | Thị Lung                    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220420063 | Agribank Đắk Lắk |
| 342 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902030 | Rơ Ô H'Nhấp                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220420165 | Agribank Đắk Lắk |
| 343 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902034 | H Lok Niê                   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220420267 | Agribank Đắk Lắk |
| 344 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902031 | Siu H' Nhé                  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220420188 | Agribank Đắk Lắk |
| 345 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902027 | Nông Văn Mạnh               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12 | 5200220420107 | Agribank Đắk Lắk |
| 346 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902006 | H Bình Minh Bkrông          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220419484 | Agribank Đắk Lắk |
| 347 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902013 | Thị Hạnh                    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220419721 | Agribank Đắk Lắk |
| 348 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902011 | H Xuyên Êban                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220419642 | Agribank Đắk Lắk |
| 349 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902042 | H Diên Rcăm                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220420425 | Agribank Đắk Lắk |
| 350 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902046 | H Du Hoàng Pang Ting        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220420504 | Agribank Đắk Lắk |
| 351 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902035 | H' Vi Niê                   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220420280 | Agribank Đắk Lắk |
| 352 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K2024 | 24902037 | H Trình Rơ Ong              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220420346 | Agribank Đắk Lắk |
| 353 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902023 | Siu H' Murr                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454506 | Agribank Đắk Lắk |
| 354 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902009 | Kpă H' Hiên                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454390 | Agribank Đắk Lắk |
| 355 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902020 | Ksor H' Luyn                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454479 | Agribank Đắk Lắk |
| 356 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902004 | Ksor H' Biên                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454348 | Agribank Đắk Lắk |
| 357 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902015 | Puih H' Lak                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454427 | Agribank Đắk Lắk |
| 358 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902031 | H Mul Niê                   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 11 | 5200220454801 | Agribank Đắk Lắk |
| 359 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902016 | Nông Thị Lâm                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 11 | 5200220454433 | Agribank Đắk Lắk |
| 360 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902010 | Lương Thị Hiền              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái     | 11 | 5200220454404 | Agribank Đắk Lắk |
| 361 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902005 | KLong K' Bưon               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil      | 11 | 5200220454354 | Agribank Đắk Lắk |
| 362 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902032 | H Nar Niê                   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 11 | 5200220454818 | Agribank Đắk Lắk |
| 363 | GD Tiểu học tiếng Jrai K2025 | 25902041 | Nay Đoàn Thanh Thúy         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 11 | 5200220454882 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                            |          |                       |         |                                |         |    |                  |                  |
|-----|----------------------------|----------|-----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|------------------|------------------|
| 364 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902002 | Li Xa Ber             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng | 12 | 5200220363060    | Agribank Đắk Lắk |
| 365 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902003 | H ' Ảnh Bkrông        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220363077    | Agribank Đắk Lắk |
| 366 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902008 | H Tép Si Đưng         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 0376258813       | MB bank Đắk Lắk  |
| 367 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902012 | H' Sa La Mi - Hmök    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220363156    | Agribank Đắk Lắk |
| 368 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902029 | Sùng Thị Xe           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 12 | 5200220363293    | Agribank Đắk Lắk |
| 369 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902005 | Lục Thị Bích Diệp     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220363090    | Agribank Đắk Lắk |
| 370 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902021 | Thị Phượng            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 6353895743       | BIDV Đắk Nông    |
| 371 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K22 | 22902006 | H Doanh Du            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220363104    | Agribank Đắk Lắk |
| 372 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902019 | Nguyễn Lương Hương Mơ | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 12 | 5200220376339    | Agribank Đắk Lắk |
| 373 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902035 | Romah H' Vi           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220386933    | Agribank Đắk Lắk |
| 374 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902017 | Siu Loan              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220376272    | Agribank Đắk Lắk |
| 375 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902014 | Siu To Ler            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220376187    | Agribank Đắk Lắk |
| 376 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902005 | H Uyên Cil            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220375937    | Agribank Đắk Lắk |
| 377 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902021 | Mbon Mỹ Nguyệt        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 12 | 5200220376397    | Agribank Đắk Lắk |
| 378 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902013 | Puih H'Lăn            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220376158    | Agribank Đắk Lắk |
| 379 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902023 | Nông Thị Oanh         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220376424    | Agribank Đắk Lắk |
| 380 | GD Tiểu học Tiếng Jrai K23 | 23902006 | Hoàng Hải Hà          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220375966    | Agribank Đắk Lắk |
| 381 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903040 | H Lan Êban            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421349    | Agribank Đắk Lắk |
| 382 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903059 | Ngô Thị Thu Hồng      | Sư phạm | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh    | 12 | 5200220421588    | Agribank Đắk Lắk |
| 383 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903047 | Ka Han                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho   | 12 | 5200220421428    | Agribank Đắk Lắk |
| 384 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903007 | H' LyNa Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220420750    | Agribank Đắk Lắk |
| 385 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903054 | H Juô Hmok            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421542    | Agribank Đắk Lắk |
| 386 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903067 | H Hăng hwing          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421667    | Agribank Đắk Lắk |
| 387 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903017 | H Anh Byă             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220430117    | Agribank Đắk Lắk |
| 388 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903066 | H - Hừa               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 9704051301800690 | Agribank Đắk Lắk |
| 389 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903041 | H nghinh êban         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421361    | Agribank Đắk Lắk |
| 390 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903039 | H'Diệp Êban           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421326    | Agribank Đắk Lắk |
| 391 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903003 | H Bê La Ayun          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220420664    | Agribank Đắk Lắk |
| 392 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903014 | Ksor Bôi              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220420901    | Agribank Đắk Lắk |
| 393 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903061 | Y Kim Huệ             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na   | 12 | 5200220421609    | Agribank Đắk Lắk |
| 394 | Giáo dục mầm non K2024A    | 24903012 | H Nhân BKrông         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220420851    | Agribank Đắk Lắk |
| 395 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903032 | H Duyên               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220421168    | Agribank Đắk Lắk |
| 396 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903010 | Nay H Bình            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220420816    | Agribank Đắk Lắk |
| 397 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903005 | Ksor H Ân             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220420714    | Agribank Đắk Lắk |
| 398 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903008 | H Bét                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220420772    | Agribank Đắk Lắk |
| 399 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903025 | Nay Diệu              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421072    | Agribank Đắk Lắk |
| 400 | Giáo dục Mầm non K2024A    | 24903018 | H Kim Hoài Byă        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220420960    | Agribank Đắk Lắk |

|     |                         |          |                     |         |                                |           |    |               |                    |
|-----|-------------------------|----------|---------------------|---------|--------------------------------|-----------|----|---------------|--------------------|
| 401 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903011 | H Yu Ra Bkrông      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220420839 | Agribank Đắk Lắk   |
| 402 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903057 | Nguyễn Thị Thu Hòa  | Sư phạm | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh      | 12 | 5200220421571 | Agribank Đắk Lắk   |
| 403 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903053 | Touneh Hillary      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho     | 12 | 5200220421536 | Agribank Đắk Lắk   |
| 404 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903027 | Kpă Phạm H' Dung    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421095 | Agribank Đắk Lắk   |
| 405 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903013 | Mlô H' Bluên        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220420874 | Agribank Đắk Lắk   |
| 406 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903037 | Lơ Mu K' Sa Đuyn    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho     | 12 | 5200220421282 | Agribank Đắk Lắk   |
| 407 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903015 | Thị Hi Bun          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông    | 12 | 5200220420924 | Agribank Đắk Lắk   |
| 408 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903048 | Ksor H Hang         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421440 | Agribank Đắk Lắk   |
| 409 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903035 | Nay H' Đa           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421247 | Agribank Đắk Lắk   |
| 410 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903060 | Bùi Thị Huệ         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường     | 12 | 5200220421594 | Agribank Đắk Lắk   |
| 411 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903038 | Thị Dương           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông    | 12 | 5200220421303 | Agribank Đắk Lắk   |
| 412 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903022 | Nay H' Choe         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421037 | Agribank Đắk Lắk   |
| 413 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903023 | Siu Ly Da           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421050 | Agribank Đắk Lắk   |
| 414 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903020 | Nay H' Cháu         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220420982 | Agribank Đắk Lắk   |
| 415 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24902301 | H Su Din Mlô        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 6321111488    | BIDV Eakar Đắk Lắk |
| 416 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903056 | Rah Lan H'Hoa       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421565 | Agribank Đắk Lắk   |
| 417 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903016 | Ksor H' Bương       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220420947 | Agribank Đắk Lắk   |
| 418 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903052 | Nay H'Hiếu          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421513 | Agribank Đắk Lắk   |
| 419 | Giáo dục Mầm non K2024A | 24903043 | H- A - Ga           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na     | 12 | 5200220421405 | Agribank Đắk Lắk   |
| 420 | Giáo dục mầm non K2024B | 24903119 | H' Zaly Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220422840 | Agribank Đắk Lắk   |
| 421 | Giáo dục mầm non K2024B | 24903096 | H Mio Mlô           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220421940 | Agribank Đắk Lắk   |
| 422 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903095 | H Hậu Mlô           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220427214 | Agribank Đắk Lắk   |
| 423 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903113 | H 'Ánh Nguyệt Niê   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220422653 | Agribank Đắk Lắk   |
| 424 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903100 | Y Sơ Nam            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê Triêng | 12 | 5200220421985 | Agribank Đắk Lắk   |
| 425 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903072 | Đinh Thị Thu Khuyến | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường     | 12 | 5200220421723 | Agribank Đắk Lắk   |
| 426 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903073 | Nông Văn Kiều       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày       | 12 | 5200220421730 | Agribank Đắk Lắk   |
| 427 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903088 | Phùng Thị Tuyết Mai | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220421877 | Agribank Đắk Lắk   |
| 428 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903074 | H Sơ Na Knul        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220421746 | Agribank Đắk Lắk   |
| 429 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903077 | H' Bruai Niê Ksor   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220421769 | Agribank Đắk Lắk   |
| 430 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903083 | Nay H' Lon          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220421825 | Agribank Đắk Lắk   |
| 431 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903106 | Kpă H' Ngọc         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220422437 | Agribank Đắk Lắk   |
| 432 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903121 | Rơ ô H'Nur          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220422863 | Agribank Đắk Lắk   |
| 433 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903115 | H Mi La Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông    | 12 | 5200220422699 | Agribank Đắk Lắk   |
| 434 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903116 | H'Ngoên Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220422710 | Agribank Đắk Lắk   |
| 435 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903114 | H'Du Ra Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220422676 | Agribank Đắk Lắk   |
| 436 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903070 | Thào Thị khí        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông     | 12 | 5200220421696 | Agribank Đắk Lắk   |
| 437 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903117 | H Rôselin Niê       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220422732 | Agribank Đắk Lắk   |

|     |                         |          |                     |         |                                |         |    |                |                  |
|-----|-------------------------|----------|---------------------|---------|--------------------------------|---------|----|----------------|------------------|
| 438 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903131 | Kră Jăñ K' Ju Suê   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho   | 12 | 5200220422965  | Agribank Đắk Lắk |
| 439 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903068 | Rah Lan H' Yan      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421673  | Agribank Đắk Lắk |
| 440 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903118 | H Vân Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220422755  | Agribank Đắk Lắk |
| 441 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903075 | H'Sao Zin Kpă       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421752  | Agribank Đắk Lắk |
| 442 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903127 | Ksor H' Quết        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220422920  | Agribank Đắk Lắk |
| 443 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903086 | Siu H' Du Ly        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421854  | Agribank Đắk Lắk |
| 444 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903101 | Hoàng Thị Nga       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220422017  | Agribank Đắk Lắk |
| 445 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903099 | Lương Hà Ly Na      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220421962  | Agribank Đắk Lắk |
| 446 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903092 | H Buin Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421910  | Agribank Đắk Lắk |
| 447 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903105 | Y Ngoa              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ ngao | 12 | 5200220422414  | Agribank Đắk Lắk |
| 448 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903130 | Ksor H' Riêu        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220422959  | Agribank Đắk Lắk |
| 449 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903069 | H Phúc Kbin         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220421680  | Agribank Đắk Lắk |
| 450 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903094 | H Mika Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220421933  | Agribank Đắk Lắk |
| 451 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903091 | Rah Lan H'Mlan      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421904  | Agribank Đắk Lắk |
| 452 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903071 | Ksor H' Khuên       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421700  | Agribank Đắk Lắk |
| 453 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903134 | Hồ Thị Tâm          | Sư phạm | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh    | 12 | 5200220422988  | Agribank Đắk Lắk |
| 454 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903104 | Ksor H' Ngăn        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220422393  | Agribank Đắk Lắk |
| 455 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903126 | Nông Thị Thu Phương | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220422913  | Agribank Đắk Lắk |
| 456 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903080 | Ksor H Loan         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421798  | Agribank Đắk Lắk |
| 457 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903111 | H'Nhưng             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 12 | 5200220422522  | Agribank Đắk Lắk |
| 458 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903089 | Ksor H'Mão          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421883  | Agribank Đắk Lắk |
| 459 | Giáo dục Mầm non K2024B | 24903078 | Ksor H' Tâm Lan     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220421775  | Agribank Đắk Lắk |
| 460 | Giáo dục mầm non K2024C | 24903193 | Siu H' Yển          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220424195  | Agribank Đắk Lắk |
| 461 | Giáo dục mầm non K2024C | 24903186 | Wa                  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na   | 12 | 5200220424058  | Agribank Đắk Lắk |
| 462 | Giáo dục mầm non K2024C | 24903179 | Triệu Thị Bé Đào Út | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200 220423889 | Agribank Đắk Lắk |
| 463 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903194 | Thị Yển             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220424216  | Agribank Đắk Lắk |
| 464 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903196 | Nay H Yuk           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220424274  | Agribank Đắk Lắk |
| 465 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903188 | H Xuyên             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5219205044340  | Agribank Đắk Lắk |
| 466 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903162 | Nay H' Tram         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220423271  | Agribank Đắk Lắk |
| 467 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903155 | H'Thương            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 12 | 5200220423186  | Agribank Đắk Lắk |
| 468 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903178 | Ksor H Út           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220423866  | Agribank Đắk Lắk |
| 469 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903195 | Kbôr H' Yon         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220424239  | Agribank Đắk Lắk |
| 470 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903174 | Ksor H Tuệ          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220423808  | Agribank Đắk Lắk |
| 471 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903191 | H Thê Buôn Yă       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220424150  | Agribank Đắk Lắk |
| 472 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903190 | H JiNa Buôn Yă      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220424120  | Agribank Đắk Lắk |
| 473 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903189 | Rahlan H' Y         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220424093  | Agribank Đắk Lắk |
| 474 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903180 | Trần Thị Văn        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220423900  | Agribank Đắk Lắk |

|     |                         |          |                      |         |                                |         |    |               |                  |
|-----|-------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 475 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903173 | H Noa Triêk          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220423787 | Agribank Đắk Lắk |
| 476 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903182 | Vì Thảo Vi           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220423951 | Agribank Đắk Lắk |
| 477 | Giáo dục Mầm non K2024C | 24903143 | Sầm Thị Thắm         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220423078 | Agribank Đắk Lắk |
| 478 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903045 | Ksor H' Đôn          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455488 | Agribank Đắk Lắk |
| 479 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903055 | Trương H 'Thị Hằng   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455630 | Agribank Đắk Lắk |
| 480 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903027 | H Doanh Bya          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455328 | Agribank Đắk Lắk |
| 481 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903016 | H-Aniê               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455210 | Agribank Đắk Lắk |
| 482 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903047 | Siu H' Đuêl          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455509 | Agribank Đắk Lắk |
| 483 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903060 | R' Ô H' Lanh         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455731 | Agribank Đắk Lắk |
| 484 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903062 | Y Hòn                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455777 | Agribank Đắk Lắk |
| 485 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903025 | H' Ly Sa Bkrông      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455305 | Agribank Đắk Lắk |
| 486 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903051 | Y Hà                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng | 11 | 5200220455544 | Agribank Đắk Lắk |
| 487 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903039 | Hoàng Thị Bích Duyên | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220455436 | Agribank Đắk Lắk |
| 488 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903032 | H'Châu               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455370 | Agribank Đắk Lắk |
| 489 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903042 | Puih H' Đàm          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455459 | Agribank Đắk Lắk |
| 490 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903026 | H My Sa Bkrông       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455311 | Agribank Đắk Lắk |
| 491 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903034 | Dăn                  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220455386 | Agribank Đắk Lắk |
| 492 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903048 | H Minh Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455515 | Agribank Đắk Lắk |
| 493 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903064 | Vương Thị Thu Hồng   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 |               |                  |
| 494 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903008 | Nguyễn Ngọc Như Anh  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220455124 | Agribank Đắk Lắk |
| 495 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903018 | H Thảo Ayun          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455232 | Agribank Đắk Lắk |
| 496 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903024 | H Rô Na Bdap         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455290 | Agribank Đắk Lắk |
| 497 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903033 | Lôi Thị Ngọc Chi     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5,20921E+12   | Agribank Đắk Lắk |
| 498 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903028 | H' AKhin Byă         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455334 | Agribank Đắk Lắk |
| 499 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903002 | H'Bin Aliô           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220454978 | Agribank Đắk Lắk |
| 500 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903030 | H Nivia Byă          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455357 | Agribank Đắk Lắk |
| 501 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903017 | H Lợi Ayun           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220455226 | Agribank Đắk Lắk |
| 502 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903023 | H Diễm Bdap          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455284 | Agribank Đắk Lắk |
| 503 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903049 | H' Mĩ Hạnh Êban      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220455521 | Agribank Đắk Lắk |
| 504 | Giáo dục mầm non K2025A | 25903021 | H'Ấn                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 11 | 5200220455261 | Agribank Đắk Lắk |
| 505 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903116 | Vùi Thu Nghiệp       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220456524 | Agribank Đắk Lắk |
| 506 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903105 | Ksor H Mlim          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220456422 | Agribank Đắk Lắk |
| 507 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903084 | Hà Thị Bích Liên     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 |               |                  |
| 508 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903077 | Rơ Ô H Kim           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220456019 | Agribank Đắk Lắk |
| 509 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903079 | H' Vi Na Knul        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220456054 | Agribank Đắk Lắk |
| 510 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903078 | H Phi Nhi Knul       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220456031 | Agribank Đắk Lắk |
| 511 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903092 | Siu H' Lisa          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220456258 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                         |          |                      |         |                                |              |    |               |                  |
|-----|-------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|--------------|----|---------------|------------------|
| 512 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903104 | A Mi                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê           | 11 | 5200220456416 | Agribank Đắk Lắk |
| 513 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903098 | Y Mai                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng      | 11 | 5200220456343 | Agribank Đắk Lắk |
| 514 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903102 | Y Miến               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng      | 11 | 5200220456395 | Agribank Đắk Lắk |
| 515 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903069 | Nay H' Jing          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220455912 | Agribank Đắk Lắk |
| 516 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903068 | RMah H' Huynh        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220455891 | Agribank Đắk Lắk |
| 517 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903100 | Liêng Hót Trà Mi     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil          | 11 | 5200220456372 | Agribank Đắk Lắk |
| 518 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903090 | Trương Thị Mỹ Linh   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng         | 11 | 5200220456235 | Agribank Đắk Lắk |
| 519 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903120 | Rcom H' Nguyệt       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220456553 | Agribank Đắk Lắk |
| 520 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903072 | H Mai Kbuôr          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê         | 11 | 5200220455935 | Agribank Đắk Lắk |
| 521 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903110 | H Nir Mlô            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê         | 11 | 5200220456474 | Agribank Đắk Lắk |
| 522 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903109 | H Nguyễn Mlô         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê         | 11 | 5200220456468 | Agribank Đắk Lắk |
| 523 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903076 | Lơ Mu K' Khiêu       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil          | 11 | 5200220455993 | Agribank Đắk Lắk |
| 524 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903080 | Mó Kim Loan Xiêm La  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Bru van Liâu | 11 | 5200220456083 | Agribank Đắk Lắk |
| 525 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903115 | Nông Thị An Na       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày          | 11 | 5200220456518 | Agribank Đắk Lắk |
| 526 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903081 | Lục Thị Mai Lan      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày          | 11 | 5200220456104 | Agribank Đắk Lắk |
| 527 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903118 | Lò Thị Nguyên        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái         | 11 | 5200220456547 | Agribank Đắk Lắk |
| 528 | Giáo dục mầm non K2025B | 25903106 | H Lan Đa Mlô         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái         | 11 | 5200220456439 | Agribank Đắk Lắk |
| 529 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903190 | Ksor H Yim           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220458303 | Agribank Đắk Lắk |
| 530 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903141 | MLÔ H' Nơih          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220457057 | Agribank Đắk Lắk |
| 531 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903176 | Nguyễn Thị Tú Trinh  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái         | 11 | 5200220458072 | Agribank Đắk Lắk |
| 532 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903174 | H Trinh Trei         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 11 | 5200220458037 | Agribank Đắk Lắk |
| 533 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903154 | H' Thuý              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ           | 11 | 5200220457448 | Agribank Đắk Lắk |
| 534 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903136 | H Ra Chên Niê        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê         | 11 | 5200220456944 | Agribank Đắk Lắk |
| 535 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903175 | Bu Rô Trinh          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Bru van Liâu | 11 | 5200220458050 | Agribank Đắk Lắk |
| 536 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903150 | Hoàng Y Thu          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng      | 11 | 5200220457346 | Agribank Đắk Lắk |
| 537 | Giáo dục mầm non K2025C | 25903152 | Y Thu                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 11 | 5200220457419 | Agribank Đắk Lắk |
| 538 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903002 | Nah Ria Ngọc Ánh     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho        | 12 | 5200220360584 | Agribank Đắk Lắk |
| 539 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903003 | R' Ô Bera            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 12 | 5200220360590 | Agribank Đắk Lắk |
| 540 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903010 | Ksor H' Diệu         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 12 | 5200220360692 | Agribank Đắk Lắk |
| 541 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903012 | H' Lôs Du            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 12 | 5200220360720 | Agribank Đắk Lắk |
| 542 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903016 | H Gái-hmők           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 12 | 5200220360759 | Agribank Đắk Lắk |
| 543 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903023 | H' Hiền              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 12 | 5200220360815 | Agribank Đắk Lắk |
| 544 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903031 | Rah Lan H' Minh Khuê | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 12 | 5200220360896 | Agribank Đắk Lắk |
| 545 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903032 | Ksor H' Khuyên       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai         | 12 | 5200220360900 | Agribank Đắk Lắk |
| 546 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903033 | H' Ru Kmán           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê         | 12 | 5200220360917 | Agribank Đắk Lắk |
| 547 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903045 | H - Nghiêu           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 12 | 5200220361036 | Agribank Đắk Lắk |
| 548 | Giáo dục Mầm non K22    | 22903063 | H Rina Ông           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông      | 12 | 5200220361180 | Agribank Đắk Lắk |



|     |                      |          |                      |         |                                |         |    |                     |                  |
|-----|----------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------------|------------------|
| 549 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903077 | Puih H' Thĩ          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361354       | Agribank Đắk Lắk |
| 550 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903080 | Rmah H' Trang        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361410       | Agribank Đắk Lắk |
| 551 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903081 | Nay H' U             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361440       | Agribank Đắk Lắk |
| 552 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903084 | Bơ Nah Ria Nai Xuyên | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220361485       | Agribank Đắk Lắk |
| 553 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903086 | Ksor H' Yên          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361506       | Agribank Đắk Lắk |
| 554 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903087 | Siu H' Yiu           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361529       | Agribank Đắk Lắk |
| 555 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903011 | Thị Diệu             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông  | 12 | 5200220360713       | Agribank Đắk Lắk |
| 556 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903051 | KSor H'Nhuên         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361088       | Agribank Đắk Lắk |
| 557 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903061 | Y Nữ                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na   | 12 | 5200220361167       | Agribank Đắk Lắk |
| 558 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903091 | Y Si Lyn             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na   | 12 | 5200220365299       | Agribank Đắk Lắk |
| 559 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903027 | Nay H'Huế            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220360844       | Agribank Đắk Lắk |
| 560 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903019 | KSor H'Grin          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220360765       | Agribank Đắk Lắk |
| 561 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903092 | Y Lọc                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 9704229200518677801 | MB bank Kon Tum  |
| 562 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903090 | H'Oanh Hmok          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365282       | Agribank Đắk Lắk |
| 563 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903094 | H Trần Mlô           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365310       | Agribank Đắk Lắk |
| 564 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903039 | H Ráp Mlô            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360969       | Agribank Đắk Lắk |
| 565 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903096 | H Niêm Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365326       | Agribank Đắk Lắk |
| 566 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903054 | H' Diệp Niê          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220361115       | Agribank Đắk Lắk |
| 567 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903037 | H' Kim Tha Mlô       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360952       | Agribank Đắk Lắk |
| 568 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903044 | H Blem Ndu           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông  | 12 | 5200220361013       | Agribank Đắk Lắk |
| 569 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903029 | H' Hương Ja          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông  | 12 | 5200220360867       | Agribank Đắk Lắk |
| 570 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903059 | KSor H'Niu           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361150       | Agribank Đắk Lắk |
| 571 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903015 | H"Uyn Ênuôl          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365230       | Agribank Đắk Lắk |
| 572 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903058 | H' Trâm Niê          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220361144       | Agribank Đắk Lắk |
| 573 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903068 | Siu H'Thăm           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361223       | Agribank Đắk Lắk |
| 574 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903024 | Hoàng Thị Hiệp       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220360821       | Agribank Đắk Lắk |
| 575 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903004 | H Lich BKrông        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360605       | Agribank Đắk Lắk |
| 576 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903055 | H Duôl Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220361121       | Agribank Đắk Lắk |
| 577 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903088 | Rah Lan H'Dê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220365276       | Agribank Đắk Lắk |
| 578 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903066 | H Pen Sô             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng | 12 | 5200220365247       | Agribank Đắk Lắk |
| 579 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903085 | H'Juan Buôn yă       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365260       | Agribank Đắk Lắk |
| 580 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903006 | H Thiệp Byă          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360640       | Agribank Đắk Lắk |
| 581 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903082 | Hoàng Thị Cẩm Vân    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220361462       | Agribank Đắk Lắk |
| 582 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903057 | H Nhung Niê          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220361138       | Agribank Đắk Lắk |
| 583 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903097 | Ka Thôi              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220365332       | Agribank Đắk Lắk |
| 584 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903013 | H Loan Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360736       | Agribank Đắk Lắk |
| 585 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903005 | H' Mung Byă          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220360634       | Agribank Đắk Lắk |

|     |                      |          |                      |         |                                |         |    |               |                  |
|-----|----------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 586 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903078 | Siu H Tinh           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220361377 | Agribank Đắk Lắk |
| 587 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903052 | Đinh Thị Nhung       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 12 | 5200220361094 | Agribank Đắk Lắk |
| 588 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903007 | Triệu Thị Châm       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tây     | 12 | 5200220360663 | Agribank Đắk Lắk |
| 589 | Giáo dục Mầm non K22 | 22903062 | Vũ Kiều Oanh         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thổ     | 12 | 5200220361173 | Agribank Đắk Lắk |
| 590 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903061 | H Bra Niê            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220378538 | Agribank Đắk Lắk |
| 591 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903100 | Siu Yunny            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220379690 | Agribank Đắk Lắk |
| 592 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903066 | Rcôm H' Phôn         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378698 | Agribank Đắk Lắk |
| 593 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903065 | Siu H' Ók            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378623 | Agribank Đắk Lắk |
| 594 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903023 | Siu H'nhớ            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377325 | Agribank Đắk Lắk |
| 595 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903034 | Nay Khuya            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377672 | Agribank Đắk Lắk |
| 596 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903006 | Nay H' Bi            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220376759 | Agribank Đắk Lắk |
| 597 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903015 | Y Dương              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ ngao | 12 | 5200220377138 | Agribank Đắk Lắk |
| 598 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903017 | Hving H' Đon         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377065 | Agribank Đắk Lắk |
| 599 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903018 | H Diệp Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220377167 | Agribank Đắk Lắk |
| 600 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903101 | H Zimly Ênuôi        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220386940 | Agribank Đắk Lắk |
| 601 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903027 | Ksor Hóa             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377456 | Agribank Đắk Lắk |
| 602 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903028 | Ksor H' Hồng         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377485 | Agribank Đắk Lắk |
| 603 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903029 | Siu H' Hồng          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377512 | Agribank Đắk Lắk |
| 604 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903030 | Vi Thị Ngọc Huyền    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220377570 | Agribank Đắk Lắk |
| 605 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903033 | H Xia Hwing          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220377637 | Agribank Đắk Lắk |
| 606 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903035 | Y - Khuyết           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ Ngao | 12 | 5200220377700 | Agribank Đắk Lắk |
| 607 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903036 | Nay H' Knia          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377739 | Agribank Đắk Lắk |
| 608 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903037 | H Din Ksor           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220377768 | Agribank Đắk Lắk |
| 609 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903040 | Cruyang Si La        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220377882 | Agribank Đắk Lắk |
| 610 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903041 | H' Bồi Linh          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377910 | Agribank Đắk Lắk |
| 611 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903043 | Rcôm H Luyên         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220377984 | Agribank Đắk Lắk |
| 612 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903050 | H' Yon Mlô           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220378199 | Agribank Đắk Lắk |
| 613 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903057 | Ksor H' Nguyệt       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378413 | Agribank Đắk Lắk |
| 614 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903063 | Cao Thị Kiều Oanh    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chứt    | 12 | 5200220378596 | Agribank Đắk Lắk |
| 615 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903064 | R'châm H' Om         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378652 | Agribank Đắk Lắk |
| 616 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903067 | Siu - H' Phúi        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378725 | Agribank Đắk Lắk |
| 617 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903070 | Ksor H' Ri           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378833 | Agribank Đắk Lắk |
| 618 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903071 | Rmah Rinet           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378862 | Agribank Đắk Lắk |
| 619 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903076 | Rcom - H' Tabitha    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220378987 | Agribank Đắk Lắk |
| 620 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903078 | Hoàng Thị Nhật Thanh | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220379048 | Agribank Đắk Lắk |
| 621 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903094 | Triệu Thị Thu Uyên   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220379518 | Agribank Đắk Lắk |
| 622 | Giáo dục Mầm non K23 | 23903103 | Ka Ví Uyển           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220386956 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                          |          |                      |         |                                |            |    |               |                  |
|-----|--------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|------------|----|---------------|------------------|
| 623 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903095 | Rơ Ô H' Vân          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220379547 | Agribank Đắk Lắk |
| 624 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903096 | Y - Vừ               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Rơ ngao    | 12 | 5200220379576 | Agribank Đắk Lắk |
| 625 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903005 | H' Tiểu Bdap         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông    | 12 | 5200220376720 | Agribank Đắk Lắk |
| 626 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903002 | Mi Ri Am             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba Na      | 12 | 5200220376628 | Agribank Đắk Lắk |
| 627 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903082 | Đinh Thị Thủy        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường      | 12 | 5200220379287 | Agribank Đắk Lắk |
| 628 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903054 | Ksor H' Nang         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220378328 | Agribank Đắk Lắk |
| 629 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903007 | H Trich Bkrông       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220376809 | Agribank Đắk Lắk |
| 630 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903009 | H Hoan Byă           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220376867 | Agribank Đắk Lắk |
| 631 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903003 | H Phuk Ayun          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220376657 | Agribank Đắk Lắk |
| 632 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903049 | H Su An Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220378153 | Agribank Đắk Lắk |
| 633 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903062 | Rmah H' Nuy          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220378567 | Agribank Đắk Lắk |
| 634 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903045 | H Hoa Mi Mdrang      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220378045 | Agribank Đắk Lắk |
| 635 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903031 | H' Hương             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ         | 12 | 5200220377541 | Agribank Đắk Lắk |
| 636 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903008 | H Đuên Byă           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220376838 | Agribank Đắk Lắk |
| 637 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903080 | H - Thích            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông    | 12 | 5200220379110 | Agribank Đắk Lắk |
| 638 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903032 | H Ju Na Hwing        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220377608 | Agribank Đắk Lắk |
| 639 | Giáo dục Mầm non K23     | 23903090 | Ksor H' Trâm         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220379451 | Agribank Đắk Lắk |
| 640 | Giáo dục mầm non K23     | 23903020 | Nay H' Gran          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220377230 | Agribank Đắk Lắk |
| 641 | Giáo dục mầm non K23     | 23903039 | H Ziu Ktla           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220377853 | Agribank Đắk Lắk |
| 642 | Giáo dục mầm non K23     | 23903004 | Đặng Thị Bằng        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng       | 12 | 5200220376692 | Agribank Đắk Lắk |
| 643 | Giáo dục mầm non K23     | 23903058 | Nay H' Nguyệt        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220378442 | Agribank Đắk Lắk |
| 644 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901016 | H Khuê Byă           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220415670 | Agribank Đắk Lắk |
| 645 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901025 | Lương Thị Doanh      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường      | 12 | 5200220415795 | Agribank Đắk Lắk |
| 646 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901041 | Hoàng Thị Thu Hoài   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày        | 12 | 5200220416197 | Agribank Đắk Lắk |
| 647 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901071 | Ka Mân               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ         | 12 | 5200220416962 | Agribank Đắk Lắk |
| 648 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901066 | Hà Khánh Ly          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái       | 12 | 5200220416819 | Agribank Đắk Lắk |
| 649 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901015 | H Goen Bya           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220415641 | Agribank Đắk Lắk |
| 650 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901072 | H Dural Mdrang       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê       | 12 | 5200220416991 | Agribank Đắk Lắk |
| 651 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901008 | Trương Thị Mỹ Ánh    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày        | 12 | 5200220415448 | Agribank Đắk Lắk |
| 652 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901038 | Nay Hiếu             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220416020 | Agribank Đắk Lắk |
| 653 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901057 | Nông Thị Hoài Linh   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng       | 12 | 5200220416615 | Agribank Đắk Lắk |
| 654 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901043 | Lành Văn Hoàng       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày        | 12 | 5200220416253 | Agribank Đắk Lắk |
| 655 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901042 | Y Ngọc Hoài          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Giê Triêng | 12 | 5200220416224 | Agribank Đắk Lắk |
| 656 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901012 | Hoàng Thị Ngọc Bích  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày        | 12 | 5200220415585 | Agribank Đắk Lắk |
| 657 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901069 | AManh                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai       | 12 | 5200220416904 | Agribank Đắk Lắk |
| 658 | Giáo dục tiểu học K2024A | 24901028 | Trương Thị Ngọc Diệp | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng       | 12 | 5200220415851 | Agribank Đắk Lắk |
| 659 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901044 | Thắm Thị Hồng        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày        | 12 | 5200220416282 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                          |          |                       |         |                                |          |    |               |                  |
|-----|--------------------------|----------|-----------------------|---------|--------------------------------|----------|----|---------------|------------------|
| 660 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901007 | Thắm Thị Ngọc Ánh     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12 | 5200220415425 | Agribank Đắk Lắk |
| 661 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901037 | Nông Thị Hậu          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220427158 | Agribank Đắk Lắk |
| 662 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901061 | KLơ                   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12 | 5200220416723 | Agribank Đắk Lắk |
| 663 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901011 | H Sô Nia Bhook        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220415540 | Agribank Đắk Lắk |
| 664 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901032 | H' Hà                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12 | 5200220415897 | Agribank Đắk Lắk |
| 665 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901036 | H Hân                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220415999 | Agribank Đắk Lắk |
| 666 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901049 | Vàng Seo Khoa         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông    | 12 | 5200220416378 | Agribank Đắk Lắk |
| 667 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901064 | Bế Thị Ly             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày      | 12 | 5200220416775 | Agribank Đắk Lắk |
| 668 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901034 | Vương Thị Hồng Hạnh   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220415930 | Agribank Đắk Lắk |
| 669 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901017 | Lưu Bảo Như Byă       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220415693 | Agribank Đắk Lắk |
| 670 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901010 | H Pi Bdap             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220415510 | Agribank Đắk Lắk |
| 671 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901026 | Hoàng Thị Du          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220415816 | Agribank Đắk Lắk |
| 672 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901201 | Ksor H Dan            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê     | 12 | 5200220415750 | Agribank Đắk Lắk |
| 673 | Giáo dục Tiểu học K2024A | 24901009 | H'Bam                 | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12 | 5200220415483 | Agribank Đắk Lắk |
| 674 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901224 | H' Trang              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12 | 5200220418502 | Agribank Đắk Lắk |
| 675 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901101 | H - Thị Phụng         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220417920 | Agribank Đắk Lắk |
| 676 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901096 | Cil K' Ô Phil         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil      | 12 | 5200220417761 | Agribank Đắk Lắk |
| 677 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901099 | Lương Thu Phương      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái     | 12 | 520022417863  | Agribank Đắk Lắk |
| 678 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901137 | H' Mi Soen Srê Ú      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220418939 | Agribank Đắk Lắk |
| 679 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901107 | H Lai Siu             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220418078 | Agribank Đắk Lắk |
| 680 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901105 | Nông La Như Quỳnh     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220418010 | Agribank Đắk Lắk |
| 681 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901109 | Nguyễn Trần Thanh Tâm | Sư phạm | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh     | 12 | 5200220418140 | Agribank Đắk Lắk |
| 682 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901128 | Đinh Thị Thùy Trâm    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường    | 12 | 5200220418633 | Agribank Đắk Lắk |
| 683 | Giáo dục tiểu học K2024B | 24901123 | K' Tiểu               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ       | 12 | 5200220418475 | Agribank Đắk Lắk |
| 684 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901138 | Lăng Thị Bích Vân     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | nùng     | 12 | 5200220418968 | Agribank Đắk Lắk |
| 685 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901134 | Luk Ê Nhã Uyên        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220418820 | Agribank Đắk Lắk |
| 686 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901133 | H' Gia Tuê Uông       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220418770 | Agribank Đắk Lắk |
| 687 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901088 | Đinh Thị Nhiên        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường    | 12 | 5200220417539 | Agribank Đắk Lắk |
| 688 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901119 | Trần Thị Thanh Thủy   | Sư phạm | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh     | 12 | 5200220418396 | Agribank Đắk Lắk |
| 689 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901108 | H Tuyên Sruk          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220418111 | Agribank Đắk Lắk |
| 690 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901144 | Lương Thị Minh Xuân   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220419114 | Agribank Đắk Lắk |
| 691 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901089 | Siu H' Nhin           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220417568 | Agribank Đắk Lắk |
| 692 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901147 | H Lan Rơ Yam          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220419222 | Agribank Đắk Lắk |
| 693 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901146 | H Cher Rơ Yam         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông    | 12 | 5200220419172 | Agribank Đắk Lắk |
| 694 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901092 | Lý Hoàng Như          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng     | 12 | 5200220417682 | Agribank Đắk Lắk |
| 695 | Giáo dục Tiểu học K2024B | 24901162 | Hồ Thùy Khánh Vân     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Vân Kiều | 12 | 5200220429370 | Agribank Đắk Lắk |
| 696 | Giáo dục Tiểu học K2024C | 24903153 | Siu H Thư             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai     | 12 | 5200220423163 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                          |          |                      |         |                                |         |    |               |                   |
|-----|--------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|-------------------|
| 697 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901036 | Y Đình Thanh Huyền   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng | 11 | 5200220453339 | Agribank Đắk Lắk  |
| 698 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901041 | H' Bot Knul          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220453368 | Agribank Đắk Lắk  |
| 699 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901017 | Hoàng Thị Đất        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H' mông | 11 | 5200220452893 | Agribank Đắk Lắk  |
| 700 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901056 | H' Trâm Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220453499 | Agribank Đắk Lắk  |
| 701 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901047 | Ksor H' Lim          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220453401 | Agribank Đắk Lắk  |
| 702 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901018 | Y Duel Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220452908 | Agribank Đắk Lắk  |
| 703 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901031 | H' Hoàn              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 11 | 5200220453295 | Agribank Đắk Lắk  |
| 704 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901028 | H' Niê Si On Hmok    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220452995 | Agribank Đắk Lắk  |
| 705 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901057 | H Pôm Pi Mlô         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220453503 | Agribank Đắk Lắk  |
| 706 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901042 | H Djon Knul          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220453374 | Agribank Đắk Lắk  |
| 707 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901045 | Hoàng Bảo Lan        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220453397 | Agribank Đắk Lắk  |
| 708 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901009 | Y - Thuyết Bkrông    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 |               |                   |
| 709 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25601037 | Y Chon Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220449853 | Agribank Đắk Lắk  |
| 710 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901072 | Trương Thanh Nguyệt  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 |               |                   |
| 711 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901005 | Vì Thị Vân Anh       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 |               |                   |
| 712 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901016 | Ksor H Dương         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220452887 | Agribank Đắk Lắk  |
| 713 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901068 | H' Ngân              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220453611 | Agribank Đắk Lắk  |
| 714 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901075 | H' Nhân              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 |               |                   |
| 715 | Giáo dục tiểu học K2025A | 25901053 | Hoàng Thị Ánh Mai    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 | 5200220453460 | Agribank Đắk Lắk  |
| 716 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901149 | Tài Đào Như Ý        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm    | 11 | 5200220454298 | Agribank Đắk Lắk  |
| 717 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901146 | Na Yit               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na   | 11 | 5200220454269 | Agribank Đắk Lắk  |
| 718 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901093 | Triệu Thị Mộng Quỳnh | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 11 |               |                   |
| 719 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901094 | Y Như Quỳnh          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng | 11 | 5200220453815 | Agribank Đắk Lắk  |
| 720 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901096 | Hoàng Thị Tâm        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220453844 | Agribank Đắk Lắk  |
| 721 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901143 | Lơ Mu Mi Ra Yam      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 11 | 5402205569326 | Agribank Lâm Đồng |
| 722 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901085 | H' Ni                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220453765 | Agribank Đắk Lắk  |
| 723 | Giáo dục tiểu học K2025B | 25901083 | Phú Thị Quỳnh Như    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm    | 11 | 5200220453742 | Agribank Đắk Lắk  |
| 724 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901001 | R' Mah H' Lê A       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220363967 | Agribank Đắk Lắk  |
| 725 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901016 | Giàng Thị Huyền      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 12 | 5200220364092 | Agribank Đắk Lắk  |
| 726 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901019 | Liêng Hót Ha Khâm    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | cil     | 12 | 5200220364113 | Agribank Đắk Lắk  |
| 727 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901020 | Y - Run Knul         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220364120 | Agribank Đắk Lắk  |
| 728 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901022 | Ksor H' Lên          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220364159 | Agribank Đắk Lắk  |
| 729 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901029 | H Kim Mlô            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220364215 | Agribank Đắk Lắk  |
| 730 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901031 | Thị Ngoanh           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220364238 | Agribank Đắk Lắk  |
| 731 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901036 | Rơ Lan Nhung         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220364273 | Agribank Đắk Lắk  |
| 732 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901039 | H - Diêu Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220364300 | Agribank Đắk Lắk  |
| 733 | Giáo dục Tiểu học K22    | 22901041 | H Niêm Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220364323 | Agribank Đắk Lắk  |

|     |                       |          |                      |         |                                |           |    |               |                    |
|-----|-----------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|-----------|----|---------------|--------------------|
| 734 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901042 | Siu H' Phuong        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220364330 | Agribank Đắk Lắk   |
| 735 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901043 | Siu H' Pon           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220364346 | Agribank Đắk Lắk   |
| 736 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901044 | Siu Sang             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220364352 | Agribank Đắk Lắk   |
| 737 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901045 | Kơ Dong Sêra         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | cil       | 12 | 5200220364369 | Agribank Đắk Lắk   |
| 738 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901046 | H- Vong Srūk         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 6360524106    | BIDV Liên Sơn, Lắk |
| 739 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901050 | Sầm Thị Thu Thủy     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày       | 12 | 5200220364402 | Agribank Đắk Lắk   |
| 740 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901053 | H' Uyên - Triêk      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220364425 | Agribank Đắk Lắk   |
| 741 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901054 | H' Tuyết             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220364431 | Agribank Đắk Lắk   |
| 742 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901058 | Rô Xi                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xê Đăng   | 12 | 5200220364477 | Agribank Đắk Lắk   |
| 743 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901040 | H Duin Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220364317 | Agribank Đắk Lắk   |
| 744 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901034 | Lương Thị Nhung      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái      | 12 | 5200220364250 | Agribank Đắk Lắk   |
| 745 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901015 | Lê Thị Thu Hương     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220364086 | Agribank Đắk Lắk   |
| 746 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901065 | Hiao Trần            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220365197 | Agribank Đắk Lắk   |
| 747 | Giáo dục Tiểu học K22 | 22901064 | Y Hạnh               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tơ - Đra  | 12 | 5110205084185 | Agribank Đắk Lắk   |
| 748 | Giáo dục tiểu học K22 | 22901067 | Vương Thị Ánh Tuyết  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng      | 12 | 5200220367770 | Agribank Đắk Lắk   |
| 749 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901014 | Lê Thị Hương Giang   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường     | 12 | 5200220374356 | Agribank Đắk Lắk   |
| 750 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901016 | Ksor Hậu             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220374412 | Agribank Đắk Lắk   |
| 751 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901073 | K Gia Cốp            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 12 | 5200220386848 | Agribank Đắk Lắk   |
| 752 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901015 | Ká Hập               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nộp       | 12 | 5200220374385 | Agribank Đắk Lắk   |
| 753 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901024 | Ksor H' Kiêu         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220374639 | Agribank Đắk Lắk   |
| 754 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901046 | H Uyn Rơ Ong         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220375263 | Agribank Đắk Lắk   |
| 755 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901017 | Mai Thương Hmők      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220374441 | Agribank Đắk Lắk   |
| 756 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901005 | KSor H Ayun          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220386650 | Agribank Đắk Lắk   |
| 757 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901037 | R'Ô H'Lina           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220375018 | Agribank Đắk Lắk   |
| 758 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901021 | K'Hùng               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho     | 12 | 5200220374537 | Agribank Đắk Lắk   |
| 759 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901023 | Kơ Să K' Kiêu        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil       | 12 | 5200220374600 | Agribank Đắk Lắk   |
| 760 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901044 | H Nuel Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220375234 | Agribank Đắk Lắk   |
| 761 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901056 | H'Thơ                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ        | 12 | 5200220375450 | Agribank Đắk Lắk   |
| 762 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901031 | Rmah Mê Linh         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220374890 | Agribank Đắk Lắk   |
| 763 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901033 | H Khuyên Mlô         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê      | 12 | 5200220374928 | Agribank Đắk Lắk   |
| 764 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901010 | Y Diệp               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dê Triêng | 12 | 520020373353  | Agribank Đắk Lắk   |
| 765 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901048 | Liêng Jrang K' Phùng | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil       | 12 | 5200220375320 | Agribank Đắk Lắk   |
| 766 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901029 | Nguyễn Thị Ngọc Linh | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220374810 | Agribank Đắk Lắk   |
| 767 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901047 | Hồ Minh Phú          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Vân Kiêu  | 12 | 5200220375292 | Agribank Đắk Lắk   |
| 768 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901069 | Rah Lan Hà Vy        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220375740 | Agribank Đắk Lắk   |
| 769 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901002 | Ksor H' An           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai      | 12 | 5200220373216 | Agribank Đắk Lắk   |
| 770 | Giáo dục Tiểu học K23 | 23901007 | H Bạch Bkrông        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông     | 12 | 5200220373297 | Agribank Đắk Lắk   |

|     |                         |          |                      |         |                                |         |    |                     |                  |
|-----|-------------------------|----------|----------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------------|------------------|
| 771 | Giáo dục Tiểu học K23   | 23901060 | Ksor Thủy Tinh       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220375530       | Agribank Đắk Lắk |
| 772 | Giáo dục Tiểu học K23   | 23901057 | Kră Jăn K'Thúy       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 12 | 5200220375473       | Agribank Đắk Lắk |
| 773 | Giáo dục Tiểu học K23   | 23901009 | Vi Thị Lạc Diệp      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220373330       | Agribank Đắk Lắk |
| 774 | Giáo dục Tiểu học K23   | 23901074 | Nông Thị Duyên       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 12 | 5200220386854       | Agribank Đắk Lắk |
| 775 | Giáo dục Tiểu học K23   | 23901008 | Vi Thị Sao Chi       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220373318       | Agribank Đắk Lắk |
| 776 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605001 | Hep                  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220412593 (Hep) | Agribank Đắk Lắk |
| 777 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605020 | Ksor Siu             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220413521       | Agribank Đắk Lắk |
| 778 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605026 | Điều Toa             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220427056       | Agribank Đắk Lắk |
| 779 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605004 | Y Khang Du           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220412620       | Agribank Đắk Lắk |
| 780 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605030 | Rmah H' Uyên         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220413754       | Agribank Đắk Lắk |
| 781 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605013 | Liêng Jrang K'Đa Len | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220413305       | Agribank Đắk Lắk |
| 782 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605012 | Ksor Kiệt            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220413284       | Agribank Đắk Lắk |
| 783 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605007 | Y Mal Êcăm           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220412716       | Agribank Đắk Lắk |
| 784 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605006 | Điều Đạt             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220412695       | Agribank Đắk Lắk |
| 785 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605017 | Y Trần Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220413420       | Agribank Đắk Lắk |
| 786 | Giáo dục Thể chất K2024 | 24605021 | Kon Sa Ha Hoàng Sơn  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 12 | 5200220413550       | Agribank Đắk Lắk |
| 787 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605063 | Hồ Thị Thương        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'mông  | 11 | 5200220450954       | Agribank Đắk Lắk |
| 788 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605046 | Rmah Phong           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220450671       | Agribank Đắk Lắk |
| 789 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605061 | Ksor H Thuy          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220450931       | Agribank Đắk Lắk |
| 790 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605065 | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220450977       | Agribank Đắk Lắk |
| 791 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605054 | Lý Ngọc Thanh        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'mông  | 11 | 5200220450823       | Agribank Đắk Lắk |
| 792 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605006 | La Thị Bảo Châu      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220450274       | Agribank Đắk Lắk |
| 793 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605035 | Kpă Sơ Linh Nam      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220450570       | Agribank Đắk Lắk |
| 794 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605018 | Nay H'Vi Hơ          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220450382       | Agribank Đắk Lắk |
| 795 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605029 | Ksor Ky              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220450484       | Agribank Đắk Lắk |
| 796 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605043 | A Nhận               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Xơ đăng | 11 | 5200220450642       | Agribank Đắk Lắk |
| 797 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605025 | A Duy Khánh          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ca Dong | 11 | 5200220450449       | Agribank Đắk Lắk |
| 798 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605007 | Đinh Văn Chính       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ca Dong | 11 | 5200220450280       | Agribank Đắk Lắk |
| 799 | Giáo dục thể chất K2025 | 25605053 | Điều Tân             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 11 | 5200220450800       | Agribank Đắk Lắk |
| 800 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605001 | Siu Công             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220356830       | Agribank Đắk Lắk |
| 801 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605005 | Kpă Hem              | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220356910       | Agribank Đắk Lắk |
| 802 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605016 | Rcom Thi             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220357101       | Agribank Đắk Lắk |
| 803 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605031 | Ksor Đăm             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 5200220334584       | Agribank Gia Lai |
| 804 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605035 | Rcom Thái            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 12 | 00000404152         | TP bank Đắk Lắk  |
| 805 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605028 | Y Hên BKông          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông   | 12 | 5200220365457       | Agribank Đắk Lắk |
| 806 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605002 | H'Zu Êban            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220356853       | Agribank Đắk Lắk |
| 807 | Giáo dục Thể chất K22   | 22605023 | Kon Sơ Vân           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil     | 12 | 5200220357210       | Agribank Đắk Lắk |

|     |                           |          |                     |         |                                |        |    |               |                  |
|-----|---------------------------|----------|---------------------|---------|--------------------------------|--------|----|---------------|------------------|
| 808 | Giáo dục Thể chất K22     | 22605003 | Y Tri Êban          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220356876 | Agribank Đắk Lắk |
| 809 | Giáo dục Thể chất K22     | 22605025 | Byêu                | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na  | 12 | 5200220357261 | Agribank Đắk Lắk |
| 810 | Giáo dục Thể chất K22     | 22605010 | Cill Pam Mi Ju      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil    | 12 | 5200220356990 | Agribank Đắk Lắk |
| 811 | Giáo dục Thể chất K22     | 22605014 | Kon Sa Ha Phúc      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil    | 12 | 5200220357074 | Agribank Đắk Lắk |
| 812 | Giáo dục Thể chất K22     | 22605024 | Adrong H'Vit        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220357232 | Agribank Đắk Lắk |
| 813 | Giáo dục Thể chất K23     | 23605009 | H Sran Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220371870 | Agribank Đắk Lắk |
| 814 | Giáo dục Thể chất K23     | 23605017 | K' Sung             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho  | 12 | 5200220372032 | Agribank Đắk Lắk |
| 815 | Giáo dục Thể chất K23     | 23605008 | Je Mi Ma            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chu ru | 12 | 5200220371857 | Agribank Đắk Lắk |
| 816 | Sư phạm ngữ văn K2024     | 24601018 | Phạm Thị Phụng      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220412479 | Agribank Đắk Lắk |
| 817 | Sư phạm ngữ văn K2024     | 24601023 | H' Uyên             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ     | 12 | 5200220412587 | Agribank Đắk Lắk |
| 818 | Sư phạm ngữ văn K2024     | 24601022 | Bùi Ngọc Khánh Uyên | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường  | 12 | 5200220412570 | Agribank Đắk Lắk |
| 819 | Sư phạm ngữ văn K2024     | 24601013 | H Saly Mlô          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220412410 | Agribank Đắk Lắk |
| 820 | Sư phạm ngữ văn K2024     | 24601017 | Lương Thị Nhị       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5207220020087 | Agribank Đắk Lắk |
| 821 | Sư phạm Ngữ văn K2025     | 25601045 | Lộc Thị Thương      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 11 | 5200220449932 | Agribank Đắk Lắk |
| 822 | Sư phạm Ngữ văn K2025     | 25601048 | Vi Thị Khánh Uyên   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 11 | 5200220449984 | Agribank Đắk Lắk |
| 823 | Sư phạm Ngữ văn K2025     | 25601033 | H Châm Niê          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 11 | 5200220449818 | Agribank Đắk Lắk |
| 824 | Sư phạm Ngữ văn K2025     | 25601027 | Lương Thanh Nhân    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 11 | 5200220449745 | Agribank Đắk Lắk |
| 825 | Sư phạm Ngữ văn K2025     | 25601036 | H Zin Niê           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 11 | 5200220449847 | Agribank Đắk Lắk |
| 826 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601010 | Điền Đình           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220357731 | Agribank Đắk Lắk |
| 827 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601037 | Hà Thị Thúy         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 12 | 5200220359419 | Agribank Đắk Lắk |
| 828 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601012 | H - Lim Ênuôl       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220357790 | Agribank Đắk Lắk |
| 829 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601042 | H Duyn YôKrla       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220359460 | Agribank Đắk Lắk |
| 830 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601024 | H Mi Liêng          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220359346 | Agribank Đắk Lắk |
| 831 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601046 | Đàm Như Ngọc        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220364868 | Agribank Đắk Lắk |
| 832 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601043 | Triệu Thị Hà        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220364851 | Agribank Đắk Lắk |
| 833 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601038 | Lành Thị Bảo Trâm   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220359425 | Agribank Đắk Lắk |
| 834 | Sư phạm ngữ văn K22       | 22601047 | Ksor H' Nguyệt      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220364874 | Agribank Đắk Lắk |
| 835 | Sư phạm ngữ văn K22       | 22601008 | H'Duyệt             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220357698 | Agribank Đắk Lắk |
| 836 | Sư phạm Ngữ văn K22       | 22601034 | Y Hiếu Teh          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220368485 | Agribank Đắk Lắk |
| 837 | Sư phạm Ngữ văn K23       | 23601014 | H Sriêng Mlô        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220371387 | Agribank Đắk Lắk |
| 838 | Sư phạm ngữ văn K23       | 23601012 | Hoàng Thị Luyến     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220371358 | Agribank Đắk Lắk |
| 839 | Sư phạm Ngữ văn K23       | 23601030 | Lâm Thị Lý          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220386798 | Agribank Đắk Lắk |
| 840 | Sư phạm Ngữ văn K23       | 23601007 | Triệu Thị Thu Hương | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220371204 | Agribank Đắk Lắk |
| 841 | Sư phạm Ngữ văn K23       | 23601002 | H Diện Du           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'ông  | 12 | 5200220371069 | Agribank Đắk Lắk |
| 842 | Sư phạm Ngữ văn K23       | 23601015 | Nguyễn Thị Trà My   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 12 | 5200220371420 | Agribank Đắk Lắk |
| 843 | Tâm lý học giáo dục K2024 | 24904006 | H Phi Na Byă        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220424659 | Agribank Đắk Lắk |
| 844 | Tâm lý học giáo dục K2024 | 24904028 | Lý Thị Sao          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220424960 | Agribank Đắk Lắk |



|     |                           |          |                    |         |                                |         |    |               |                  |
|-----|---------------------------|----------|--------------------|---------|--------------------------------|---------|----|---------------|------------------|
| 845 | Tâm lý học giáo dục K2024 | 24904038 | Dương Khôi         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220429420 | Agribank Đắk Lắk |
| 846 | Tâm lý học giáo dục K2025 | 25904003 | H' Ri A Bkrông     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220458332 | Agribank Đắk Lắk |
| 847 | Tâm lý học giáo dục K2025 | 25904004 | H' Rina Bkrông     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220458355 | Agribank Đắk Lắk |
| 848 | Văn học K2024             | 24607040 | H' Jun Hy Niê      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220414980 | Agribank Đắk Lắk |
| 849 | Văn học K2024             | 24607063 | H Nhen Dong Jri    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5211205255913 | Agribank Đắk Lắk |
| 850 | Văn học K2024             | 24607044 | H Diêu Niê         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 2704250956980 | MB Bank Đắk Lắk  |
| 851 | Văn học K2024             | 24607007 | H - Ái Hào Bkrông  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220413833 | Agribank Đắk Lắk |
| 852 | Văn học K2024             | 24607010 | Lò Hoàng Hiếu Châu | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220413885 | Agribank Đắk Lắk |
| 853 | Văn học K2024             | 24607018 | Nguyễn Thị Duyên   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Sách    | 12 | 5200220414501 | Agribank Đắk Lắk |
| 854 | Văn học K2024             | 24607033 | H' Ly Xa Mlô       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220414865 | Agribank Đắk Lắk |
| 855 | Văn học K2024             | 24607043 | H Duyên niê        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220415034 | Agribank Đắk Lắk |
| 856 | Văn học K2024             | 24607037 | Vương Thị Ngoan    | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng    | 12 | 5200220414888 | Agribank Đắk Lắk |
| 857 | Văn học K2024             | 24607062 | Đặng Thị Hòa Hạnh  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 12 | 5200220429255 | Agribank Đắk Lắk |
| 858 | Văn học K2024             | 24607025 | Thào Thị Liên      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mông    | 12 | 5200220414705 | Agribank Đắk Lắk |
| 859 | Văn học K2025             | 25607006 | H' Uyên Byă        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220451080 | Agribank Đắk Lắk |
| 860 | Văn học K2025             | 25607015 | H Hoa Buôn Jôk     | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220451181 | Agribank Đắk Lắk |
| 861 | Văn học K2025             | 25607046 | Rơ Châm Thinh      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai    | 11 | 5200220451550 | Agribank Đắk Lắk |
| 862 | Văn học K2025             | 25607009 | Ma Đàm Ngọc Diệp   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày     | 11 | 5200220451117 | Agribank Đắk Lắk |
| 863 | Văn học K2025             | 25607043 | Y Thị Pi Ja Li Sa  | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220451514 | Agribank Đắk Lắk |
| 864 | Văn học K2025             | 25607027 | Thị Nháp           | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 11 | 5200220451290 | Agribank Đắk Lắk |
| 865 | Văn học K2025             | 25607013 | Trương Mỹ Hoa      | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 | 5200220451169 | Agribank Đắk Lắk |
| 866 | Văn học K2025             | 25607004 | Y Lus Ayun         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường   | 11 | 5200220451073 | Agribank Đắk Lắk |
| 867 | Văn học K2025             | 25607049 | Trần Thị Anh Thu   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 11 | 5200220451589 | Agribank Đắk Lắk |
| 868 | Văn học K2025             | 25607026 | Lương Thị Nguyệt   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái    | 11 | 5200220451283 | Agribank Đắk Lắk |
| 869 | Văn học K22               | 22607025 | H Đ'rim Niê        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220358524 | Agribank Đắk Lắk |
| 870 | Văn học K22               | 22607041 | H Kuc Êban         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365594 | Agribank Đắk Lắk |
| 871 | Văn học K22               | 22607057 | K' Thị Úc          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho   | 12 | 5200220365781 | Agribank Đắk Lắk |
| 872 | Văn học K22               | 22607059 | Thị Mi Xa          | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220365798 | Agribank Đắk Lắk |
| 873 | Văn học K22               | 22607045 | H' Trúc Mlô        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220365730 | Agribank Đắk Lắk |
| 874 | Văn học K22               | 22607026 | H Phương Niê       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220358530 | Agribank Đắk Lắk |
| 875 | Văn học K23               | 23607008 | H Sandra Byă       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220372288 | Agribank Đắk Lắk |
| 876 | Văn học K23               | 23607018 | H' Bui Kbuôr       | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220372430 | Agribank Đắk Lắk |
| 877 | Văn học K23               | 23607021 | H Dưn Kmăn         | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220372531 | Agribank Đắk Lắk |
| 878 | Văn học K23               | 23607019 | H Nho Kbuôr        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220372469 | Agribank Đắk Lắk |
| 879 | Văn học K23               | 23607070 | H Tiết Kđoh        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê    | 12 | 5200220388259 | Agribank Đắk Lắk |
| 880 | Văn học K23               | 23607007 | H' Bíc             | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ      | 12 | 5200220372259 | Agribank Đắk Lắk |
| 881 | Văn học K23               | 23607082 | H' Thuỷ            | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M' nông | 12 | 5200220388380 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                           |          |                     |         |                                |       |    |               |                  |
|-----|---------------------------|----------|---------------------|---------|--------------------------------|-------|----|---------------|------------------|
| 882 | Văn học K23               | 23607072 | Lò Thị Hiền Lương   | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 12 | 0905017923    | MB Đắk Lắk       |
| 883 | Văn học K23               | 23607071 | K'Lan               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho | 12 | 5200220388265 | Agribank Đắk Lắk |
| 884 | Văn học K23               | 23607081 | K'Rin               | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil   | 12 | 5200220388373 | Agribank Đắk Lắk |
| 885 | Văn học K23               | 23607069 | Liêng Jrang K Hương | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil   | 12 | 5200220388242 | Agribank Đắk Lắk |
| 886 | Văn học K23               | 23607066 | H Neri Hdruê        | Sư phạm | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 6360969044    | BIDV Đắk Lắk     |
| 887 | Điều dưỡng K2024          | 24309012 | Rmah H'Dur          | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220400979 | Agribank Đắk Lắk |
| 888 | Điều dưỡng K2024          | 24309016 | Ka Guăn             | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil   | 12 | 5200220401017 | Agribank Đắk Lắk |
| 889 | Điều dưỡng K2024          | 24309008 | Ksor H Dang         | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220400956 | Agribank Đắk Lắk |
| 890 | Điều dưỡng K2024          | 24309036 | Y Thuyết Niê        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220401183 | Agribank Đắk Lắk |
| 891 | Điều dưỡng K2024          | 24309054 | Trịnh Thị Triệu Vy  | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 12 | 5200220401329 | Agribank Đắk Lắk |
| 892 | Điều dưỡng K2024          | 24309020 | H' Bely Hwing       | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220401069 | Agribank Đắk Lắk |
| 893 | Điều dưỡng K2024          | 24309007 | H Mô Ria Byă        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220400940 | Agribank Đắk Lắk |
| 894 | Điều dưỡng K2025          | 25309001 | H Sô Phia Adrong    | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 11 | 5200220441171 | Agribank Đắk Lắk |
| 895 | Điều dưỡng K2025          | 25309010 | Nay H' Đêr          | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 11 | 5200220441250 | Agribank Đắk Lắk |
| 896 | Điều dưỡng K2025          | 25309031 | Ksor H' Thủy Ngân   | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 11 | 5200220441375 | Agribank Đắk Lắk |
| 897 | Điều dưỡng K2025          | 25309057 | H Chun ADrong       | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 11 | 0916473277    | HD bank          |
| 898 | Điều dưỡng K2025          | 25309005 | Nguyễn Thị Chung    | Y Dược  | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh  | 11 | 5200220441215 | Agribank Đắk Lắk |
| 899 | Điều dưỡng K22            | 22309003 | H' Diễm             | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mạ    | 12 | 5200220353356 | Agribank Đắk Lắk |
| 900 | Điều dưỡng K22            | 22309009 | Rơ Châm Hik         | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220353406 | Agribank Đắk Lắk |
| 901 | Điều dưỡng K22            | 22309027 | H ' - Đam - Niê     | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220353566 | Agribank Đắk Lắk |
| 902 | Điều dưỡng K22            | 22309028 | H - Rina Niê        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220353572 | Agribank Đắk Lắk |
| 903 | Điều dưỡng K22            | 22309017 | KSor H'Lurs         | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220353458 | Agribank Đắk Lắk |
| 904 | Điều dưỡng K22            | 22309024 | Đạo Thị Thy Nhi     | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220353514 | Agribank Đắk Lắk |
| 905 | Điều dưỡng K22            | 22309022 | Vùi Thị Thu Ngân    | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220353493 | Agribank Đắk Lắk |
| 906 | Điều dưỡng K22            | 22309046 | Ka Hes              | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho | 12 | 5200220366291 | Agribank Đắk Lắk |
| 907 | Điều dưỡng K23            | 23309031 | H Rin Niê           | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220378550 | Agribank Đắk Lắk |
| 908 | Điều dưỡng K23            | 23309056 | H Bic Bkrông        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220387393 | Agribank Đắk Lắk |
| 909 | Điều dưỡng K23            | 23309058 | Đỗ Thị Hoa          | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường | 12 | 5200220387408 | Agribank Đắk Lắk |
| 910 | Điều dưỡng K23            | 23309006 | H- Xina Êban        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220378147 | Agribank Đắk Lắk |
| 911 | Điều dưỡng K23            | 23309008 | Hoàng Thị Thu Hằng  | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220378176 | Agribank Đắk Lắk |
| 912 | Điều dưỡng K23            | 23309032 | H' Trinh Niê        | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220378580 | Agribank Đắk Lắk |
| 913 | Điều dưỡng K23            | 23309059 | Kpă H' Thuyết       | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220387414 | Agribank Đắk Lắk |
| 914 | Điều dưỡng K23            | 23309062 | Kpuih H' Phôn       | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220387443 | Agribank Đắk Lắk |
| 915 | Điều dưỡng K23            | 2309066  | Siu H'Lan           | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5023205246117 | Agribank Đắk Lắk |
| 916 | KT xét nghiệm y học K2024 | 24311035 | Ka Roen             | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho | 12 | 5200220401660 | Agribank Đắk Lắk |
| 917 | KT xét nghiệm y học K2024 | 24311001 | Ka Să Lê A          | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil   | 12 | 5200220401335 | Agribank Đắk Lắk |
| 918 | KT xét nghiệm y học K2024 | 24311016 | Bơ Ju Nai Hoà       | Y Dược  | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Churu | 12 | 5200220401472 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                               |          |                     |        |                                |        |    |               |                  |
|-----|-------------------------------|----------|---------------------|--------|--------------------------------|--------|----|---------------|------------------|
| 919 | KT xét nghiệm y học K2024     | 24311015 | H Nhoa Hmok         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220401466 | Agribank Đắk Lắk |
| 920 | KT xét nghiệm y học K2024     | 24311031 | Hàng Nrông Nuân     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho  | 12 | 5200220401624 | Agribank Đắk Lắk |
| 921 | KT xét nghiệm y học K2024     | 24311030 | Nay H'Niêm          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220401601 | Agribank Đắk Lắk |
| 922 | KT xét nghiệm y học K2025     | 25311041 | Lương Hoài Thương   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 11 | 5200220441839 | Agribank Đắk Lắk |
| 923 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K22 | 22311010 | Sa Lê Gun           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220351134 | Agribank Đắk Lắk |
| 924 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K22 | 22311041 | Lô Thị Uyên         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 12 | 5200220351974 | Agribank Đắk Lắk |
| 925 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K22 | 22311025 | H Siêng Niê         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220351554 | Agribank Đắk Lắk |
| 926 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311011 | Đinh Công Hoán      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na  | 12 | 5200220379337 | Agribank Đắk Lắk |
| 927 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311055 | Đinh Thị Vân        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ba na  | 12 | 5200220380806 | Agribank Đắk Lắk |
| 928 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311019 | Rơ Ô - H' Leh       | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220379553 | Agribank Đắk Lắk |
| 929 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311023 | H La Ra Mlô         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220379649 | Agribank Đắk Lắk |
| 930 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311014 | Rmah H' Hya         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220379439 | Agribank Đắk Lắk |
| 931 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311008 | H - Anh Hà Êban     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220379235 | Agribank Đắk Lắk |
| 932 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311007 | Lương Thị Điệp      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 12 | 5200220379185 | Agribank Đắk Lắk |
| 933 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311048 | Kpă H' Trâm         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5023205246911 | Agribank Đắk Lắk |
| 934 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311054 | Nay H' Uin          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220380791 | Agribank Đắk Lắk |
| 935 | Kỹ thuật xét nghiệm y học K23 | 23311030 | Đàng Thị Tiểu Nhiên | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm   | 12 | 5200220379836 | Agribank Đắk Lắk |
| 936 | Y đa khoa K2024A              | 24307028 | Y Dut               | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | M'Nông | 12 | 5200220427368 | Agribank Đắk Lắk |
| 937 | Y đa khoa K2024B              | 24307086 | Mông Thị Hường      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng   | 12 | 5200220407910 | Agribank Đắk Lắk |
| 938 | Y đa khoa K2024B              | 24307114 | Nguyễn Thị Linh     | Y Dược | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh   | 12 | 5200220408488 | Agribank Đắk Lắk |
| 939 | Y đa khoa K2024C              | 24307210 | Lò Thị Thùy Trang   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái   | 12 | 5200220410467 | Agribank Đắk Lắk |
| 940 | Y đa khoa K2024C              | 24307206 | Báo Văn Tinh        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm   | 12 | 5200220410336 | Agribank Đắk Lắk |
| 941 | Y đa khoa K20A                | 20307009 | Hà Thị Xuân Hảo     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày    | 12 | 5200220299430 | Agribank Đắk Lắk |
| 942 | Y đa khoa K20A                | 20307011 | Thạch Thị Xuân Hồng | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm   | 12 | 5200220299447 | Agribank Đắk Lắk |
| 943 | Y đa khoa K20A                | 20307025 | Kpă H' Ruynh        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220310715 | Agribank Đắk Lắk |
| 944 | Y đa khoa K20A                | 20307264 | Y Lâm Byă           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê   | 12 | 5200220307149 | Agribank Đắk Lắk |
| 945 | Y đa khoa K20A                | 20307265 | Ksor H' Châu        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220302457 | Agribank Đắk Lắk |
| 946 | Y đa khoa K20A                | 20307268 | Nại Thị Thùy Dương  | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm   | 12 | 5200220309433 | Agribank Đắk Lắk |
| 947 | Y đa khoa K20A                | 20307269 | Vạn Ngọc Hải Đăng   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm   | 12 | 5200220310324 | Agribank Đắk Lắk |
| 948 | Y đa khoa K20A                | 20307270 | Bùi Anh Giáp        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường  | 12 | 5213205847181 | Agribank Đắk Lắk |
| 949 | Y đa khoa K20A                | 20307271 | R' Ô Yo Han         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220309440 | Agribank Đắk Lắk |
| 950 | Y đa khoa K20A                | 20307274 | Đinh Hậu            | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220309485 | Agribank Đắk Lắk |
| 951 | Y đa khoa K20A                | 20307275 | Ka' Hậu             | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho  | 12 | 5200220314456 | Agribank Đắk Lắk |
| 952 | Y đa khoa K20A                | 20307276 | Kpă Hiêng           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220299838 | Agribank Đắk Lắk |
| 953 | Y đa khoa K20A                | 20307279 | Ka Juên             | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho  | 12 | 5200220299844 | Agribank Đắk Lắk |
| 954 | Y đa khoa K20A                | 20307280 | Rơ Chom Khôi        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220299850 | Agribank Đắk Lắk |
| 955 | Y đa khoa K20A                | 20307281 | Ksor Khuyết         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai   | 12 | 5200220315804 | Agribank Đắk Lắk |

|     |                |          |                       |        |                                |       |    |               |                  |
|-----|----------------|----------|-----------------------|--------|--------------------------------|-------|----|---------------|------------------|
| 956 | Y đa khoa K20A | 20307283 | Đồng Văn Linh Lợi     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220315810 | Agribank Đắk Lắk |
| 957 | Y đa khoa K20A | 20307284 | H' San Dra Mlô        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220299867 | Agribank Đắk Lắk |
| 958 | Y đa khoa K20B | 20307113 | Rơ Ô H' Kim           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220308555 | Agribank Đắk Lắk |
| 959 | Y đa khoa K20B | 20307118 | Chèo Trần Phương Linh | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao   | 12 | 5200220313316 | Agribank Đắk Lắk |
| 960 | Y đa khoa K20C | 20307177 | Đinh Thị Quỳnh        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Mường | 12 | 5200220302326 | Agribank Đắk Lắk |
| 961 | Y đa khoa K20C | 20307185 | Vì Thị Tầm            | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220309200 | Agribank Đắk Lắk |
| 962 | Y đa khoa K20C | 20307289 | Phú Nữ Hồng Nhung     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220299873 | Agribank Đắk Lắk |
| 963 | Y đa khoa K20C | 20307292 | Hứa Thị Sang          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220305064 | Agribank Đắk Lắk |
| 964 | Y đa khoa K20C | 20307296 | Mùa A Thi             | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Hmông | 12 | 5200220308010 | Agribank Đắk Lắk |
| 965 | Y đa khoa K20C | 20307297 | Ksor Thoang           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220302507 | Agribank Đắk Lắk |
| 966 | Y đa khoa K20C | 20307291 | Ka Să My Ran          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cil   | 12 | 5200220306934 | Agribank Đắk Lắk |
| 967 | Y đa khoa K20C | 20307151 | Sơn Thị Tuyết Ngân    | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Khmer | 12 | 5200220299670 | Agribank Đắk Lắk |
| 968 | Y đa khoa K20C | 20307194 | Nông Thị Thu Thảo     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 12 | 5200220302361 | Agribank Đắk Lắk |
| 969 | Y đa khoa K20C | 20307154 | Lý Chung Nghĩa        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220304843 | Agribank Đắk Lắk |
| 970 | Y đa khoa K20D | 20307229 | Kiều Thảo Uyên        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220299771 | Agribank Đắk Lắk |
| 971 | Y đa khoa K20D | 20307241 | Hứa Thị Trà Vinh      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220308771 | Agribank Đắk Lắk |
| 972 | Y đa khoa K20D | 20307299 | Sử Thị Ngọc Như Thừa  | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220309903 | Agribank Đắk Lắk |
| 973 | Y đa khoa K20D | 20307301 | Đinh Thị Thủy Triều   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | H'rê  | 12 | 5200220306718 | Agribank Đắk Lắk |
| 974 | Y đa khoa K20D | 20307303 | Nguyễn Phạm Bảo Trọng | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220302536 | Agribank Đắk Lắk |
| 975 | Y đa khoa K20D | 20307304 | Ka Thủy Trúc          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho | 12 | 5200220299896 | Agribank Đắk Lắk |
| 976 | Y đa khoa K20D | 20307305 | Đàng Xuân Win         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Chăm  | 12 | 5200220306826 | Agribank Đắk Lắk |
| 977 | Y đa khoa K20D | 20307300 | Hoàng Thị Kiều Trang  | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Tày   | 12 | 5200220302520 | Agribank Đắk Lắk |
| 978 | Y đa khoa K21A | 21307035 | Đàm Trung Anh         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Thái  | 12 | 5200220324450 | Agribank Đắk Lắk |
| 979 | Y đa khoa K21A | 21307049 | H' Nut Byă            | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220304350 | Agribank Đắk Lắk |
| 980 | Y đa khoa K21A | 21307262 | Hoàng Thị Diệu My     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5212220000019 | Agribank Đắk Lắk |
| 981 | Y đa khoa K21B | 21307265 | Nay Mỹ Thạch          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220342678 | Agribank Đắk Lắk |
| 982 | Y đa khoa K21B | 21307123 | Mai Ly                | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Kơ ho | 12 | 5200220338953 | Agribank Đắk Lắk |
| 983 | Y đa khoa K21B | 21307266 | Đinh Y Thiếc          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5013205083060 | Agribank Đắk Lắk |
| 984 | Y đa khoa K21C | 21307269 | K'Vân                 | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Cơ ho | 12 | 5200220341261 | Agribank Đắk Lắk |
| 985 | Y đa khoa K21D | 21307149 | Rmah H'Nhuin          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220342140 | Agribank Đắk Lắk |
| 986 | Y đa khoa K21D | 21307080 | Triệu Thị Mai Hiên    | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Dao   | 12 | 5200220342060 | Agribank Đắk Lắk |
| 987 | Y đa khoa K21D | 21307156 | H Thâm Niê            | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220339299 | Agribank Đắk Lắk |
| 988 | Y đa khoa K21D | 21307084 | Lê Thanh Hoài         | Y Dược | Sinh viên thuộc hộ nghèo       | Kinh  | 12 | 1603205677362 | Agribank Đắk Lắk |
| 989 | Y đa khoa K22A | 22307017 | Đinh Thị Thu Diệu     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | chút  | 12 | 5200220351951 | Agribank Đắk Lắk |
| 990 | Y đa khoa K22A | 22307070 | Ksor Kroang           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Jrai  | 12 | 5200220352570 | Agribank Đắk Lắk |
| 991 | Y đa khoa K22A | 22307043 | Trương Bích Hạnh      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Nùng  | 12 | 5200220352297 | Agribank Đắk Lắk |
| 992 | Y đa khoa K22A | 22307069 | H Ngăn Knul           | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao | Ê đê  | 12 | 5200220352563 | Agribank Đắk Lắk |

|      |                |          |                      |        |                                 |       |    |               |                  |
|------|----------------|----------|----------------------|--------|---------------------------------|-------|----|---------------|------------------|
| 993  | Y đa khoa K22A | 22307027 | Trương Mỹ Ngọc Dự    | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5200220352120 | Agribank Đắk Lắk |
| 994  | Y đa khoa K22C | 22307196 | KSor H'Sor Un        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220353152 | Agribank Đắk Lắk |
| 995  | Y đa khoa K22C | 22307159 | Niê Phương Thềm      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Ê đê  | 12 | 5200220352780 | Agribank Đắk Lắk |
| 996  | Y đa khoa K22C | 22307145 | Kpă H'Ri Wa          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Ê đê  | 12 | 5200220352642 | Agribank Đắk Lắk |
| 997  | Y đa khoa K22C | 22307151 | Rcom Than            | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220352709 | Agribank Đắk Lắk |
| 998  | Y đa khoa K23A | 23307060 | La Thị Minh Huệ      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Tày   | 12 | 5200220372895 | Agribank Đắk Lắk |
| 999  | Y đa khoa K23A | 23307017 | Lò Seo Chinh         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Hmông | 12 | 5200220371580 | Agribank Đắk Lắk |
| 1000 | Y đa khoa K23B | 23307095 | Lưu Thị Trúc Ly      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Nùng  | 12 | 5200220374277 | Agribank Đắk Lắk |
| 1001 | Y đa khoa K23B | 23307126 | Hoàng Thị Kim Oanh   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Mường | 12 | 5200220375190 | Agribank Đắk Lắk |
| 1002 | Y đa khoa K23C | 23307189 | Ksor H' Trăm         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220376946 | Agribank Đắk Lắk |
| 1003 | Y đa khoa K23C | 23307155 | Dương Đức Trường Sơn | Y Dược | SV tàn tật, khó khăn về kinh tế | Kinh  | 12 | 5200220375972 | Agribank Đắk Lắk |
| 1004 | Y đa khoa K23C | 23307181 | Đinh Thủy Hà Tiên    | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Nùng  | 12 | 5200220376707 | Agribank Đắk Lắk |
| 1005 | Y đa khoa K23C | 23307157 | Tâm                  | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Ba na | 12 | 5200220376040 | Agribank Đắk Lắk |
| 1006 | Y khoa K2024A  | 24307079 | Ka Huyền             | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Cơ ho | 12 | 5200220407672 | Agribank Đắk Lắk |
| 1007 | Y khoa K2024A  | 24307048 | Đàng Nữ Ngân Hà      | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5200220407150 | Agribank Đắk Lắk |
| 1008 | Y khoa K2024B  | 24307133 | Châu Đạo Xuân Nghi   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5200220408856 | Agribank Đắk Lắk |
| 1009 | Y khoa K2024B  | 24307124 | Kpă H' Muin          | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220408681 | Agribank Đắk Lắk |
| 1010 | Y khoa K2024B  | 24307127 | Ksor Linh Nga        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220408748 | Agribank Đắk Lắk |
| 1011 | Y khoa K2024B  | 24307143 | Trần Minh Nhân       | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | khmer | 12 | 5200220408993 | Agribank Đắk Lắk |
| 1012 | Y khoa K2024B  | 24307150 | Lương Ngọc Nhi       | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Nùng  | 12 | 5200220409140 | Agribank Đắk Lắk |
| 1013 | Y khoa K2024C  | 24307212 | Lưu Nữ Quỳnh Trang   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5200220410500 | Agribank Đắk Lắk |
| 1014 | Y khoa K2024C  | 24307227 | Nay Rơ Chăm Tuấn     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5011205180953 | Agribank Đắk Lắk |
| 1015 | Y khoa K2025B  | 25307133 | Nông Thị Thanh Mai   | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Tày   | 11 | 5200220445376 | Agribank Đắk Lắk |
| 1016 | Y khoa K2025C  | 25307182 | H' Libera Niê        | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Ê đê  | 11 | 5200220445881 | Agribank Đắk Lắk |
| 1017 | Y khoa K2025C  | 25307191 | Đàm Lý Hồng Phúc     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Tày   | 11 | 5200220445948 | Agribank Đắk Lắk |
| 1018 | Y khoa K22A    | 22307029 | Nông Thị Ánh Đào     | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Tày   | 12 | 5200220352150 | Agribank Đắk Lắk |
| 1019 | Y khoa K22C    | 22307175 | Châu Thị Khánh Trắng | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Chăm  | 12 | 5200220352924 | Agribank Đắk Lắk |
| 1020 | Y khoa K22C    | 22307164 | Nguyễn Nhật Thịnh    | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Nùng  | 12 | 5200220352846 | Agribank Đắk Lắk |
| 1021 | Y khoa K22C    | 22307216 | Nay H' Như Ý         | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220364490 | Agribank Đắk Lắk |
| 1022 | Y khoa K22C    | 22307208 | Ksor Vít             | Y Dược | SV dân tộc ít người ở vùng cao  | Jrai  | 12 | 5200220353254 | Agribank Đắk Lắk |

**Danh sách có: 1022 sinh viên.**